

TÀI LIỆU MINH HỌA BÁN HÀNG
SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

AN TÂM SONG HÀNH

Quyền lợi bảo hiểm cơ bản



BẢO VỆ TÀI CHÍNH



- **Nhận 1.000.000.000 đồng hoặc giá trị Tài khoản hợp đồng** khi Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn.
- **Nhận 200.000.000 đồng hoặc 500.000.000 đồng** khi tử vong do tai nạn hoặc tử vong do tai nạn đặc biệt.
- **Song hành bảo vệ mà không tăng phí.**

TÍCH LŨY TÀI CHÍNH



- Hưởng kết quả đầu tư từ Quỹ Liên kết chung và đảm bảo không thấp hơn lãi suất cam kết.
- **Nhận 433.864.300 đồng ***
Tổng Thuởng Duy trì hợp đồng và Thuởng Gắn bó dài lâu.
- **Nhận 100% giá trị Tài khoản hợp đồng** khi đáo hạn hợp đồng.

* Các giá trị trên đây được minh họa tại mức lãi suất đầu tư dự kiến

SCAN QR CODE ĐỂ THAM KHẢO THÊM THÔNG TIN



Trang thông tin sản phẩm (bao gồm
Quy tắc và Điều khoản sản phẩm)



Công cụ tính phí - Xây dựng
kế hoạch bảo hiểm



Thông tin của
Quỹ Liên kết chung



Ứng dụng **Dai-ichi Connect**
hỗ trợ quản lý hợp đồng

THÔNG TIN LIÊN HỆ

🏢 Trung tâm Dịch vụ Khách hàng: Tòa nhà Dai-ichi Life, 149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

☎ Hotline: (028) 3810 0888 - Bấm phím 1

📠 Fax: (028) 3997 3000

🌐 Website: <https://dai-ichi-life.com.vn>

✉ Email: customer.services@dai-ichi-life.com.vn



TRANG THÔNG TIN

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM					
Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm Bảo hiểm nhân thọ, Bảo hiểm sức khỏe, Tái bảo hiểm và Đầu tư vốn theo Giấy phép đầu tư số 2134/GP do Bộ KH - ĐT cấp ngày 12/10/1999 và Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC10/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18/01/2007; Vốn điều lệ: gần 9.800 tỷ đồng; Trụ sở chính: Tòa nhà Dai-ichi Life, 149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.					

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG					
		Họ và tên	Giới tính	Tuổi tham gia bảo hiểm	Nhóm nghề nghiệp
Bên mua bảo hiểm	BMBH	Nguyễn Văn A	Nam	37	1
Người được bảo hiểm chính	NDBH.1	Trần Ngọc B	Nữ	30	1
Người được song hành bảo vệ	NDBH.2	Nguyễn Văn A	Nam	37	1

THÔNG TIN CHUNG					
Sản phẩm		Thời hạn bảo hiểm (năm)	Thời hạn đóng phí dự kiến (1) (năm)	Số tiền bảo hiểm (đồng)	Phí bảo hiểm cơ bản (đồng/năm)
Sản phẩm chính					
NDBH.1 - Trần Ngọc B					
Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung An Tâm Song Hành		70	40	1.000.000.000	17.990.000
Quyền lợi bảo hiểm cơ bản					
Sản phẩm bổ sung/bổ trợ					
NDBH.1 - Trần Ngọc B					
BH Hỗ Trợ Viện Phí (3)		gia hạn hàng năm	gia hạn hàng năm	100.000	225.000
BH Tai Nạn Cao Cấp		45	40	300.000.000	960.000

KẾ HOẠCH ĐÓNG PHÍ THEO ĐỊNH KỲ				Đơn vị tính: đồng
Định kỳ đóng Phí bảo hiểm dự kiến	Năm	Nửa năm	Quý	

Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ	19.175.000	9.587.500	4.793.800
● Phí bảo hiểm cơ bản Sản phẩm An Tâm Song Hành	17.990.000	8.995.000	4.497.500
● Phí bảo hiểm cơ bản các sản phẩm bổ sung/bổ trợ	1.185.000	592.500	296.300
Phí bảo hiểm đóng thêm định kỳ	10.825.000		
Phí bảo hiểm dự tính đóng định kỳ (2)	30.000.000		

- Ghi chú:
- (1) Thời hạn đóng phí tối đa bằng Thời hạn bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm cần đóng đầy đủ và đúng hạn Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ trong 04 Năm hợp đồng đầu tiên và có thể đóng phí linh hoạt từ Năm hợp đồng thứ năm (05) trở đi với điều kiện giá trị Tài khoản hợp đồng sau khi trừ đi các Khoản nợ lớn hơn 0.
- (2) Phí bảo hiểm dự tính đóng định kỳ: Là tổng phí bảo hiểm dự tính đóng theo định kỳ bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm. Kế hoạch đóng phí theo định kỳ thể hiện ở bên trên là kế hoạch đóng phí cho năm đầu. Phí bảo hiểm và Phí bảo hiểm đóng thêm cho những năm sau sẽ được minh họa ở trang “Minh họa phân bổ Phí bảo hiểm và Quyền lợi bảo hiểm”.
- (3) Thời hạn bảo hiểm là 01 (một) năm và được gia hạn hàng năm nếu không có bên nào thông báo chấm dứt hiệu lực của sản phẩm bổ sung/bổ trợ này. Phí bảo hiểm của sản phẩm sẽ thay đổi hàng năm vào Ngày gia hạn năm hợp đồng theo tuổi đạt được của Người được bảo hiểm. Tham khảo thêm phí bảo hiểm các năm gia hạn hợp đồng ở trang “Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung/bổ trợ thay đổi hàng năm”. Mức phí bảo hiểm này có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

THÔNG TIN VỀ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM CÁ NHÂN

Họ và tên Đại lý bảo hiểm cá nhân: Product Dummy Agent

Mã số đại lý: 158424

PHÍ BẢO HIỂM (CÁC) SẢN PHẨM BỔ SUNG/BỔ TRỢ THAY ĐỔI HÀNG NĂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

Lần gia hạn Hợp đồng	Tham gia đầu tiên	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
BH Hỗ Trợ Viện Phí	225	225	225	225	225	225	225	225	225	225	225	290	290	290	290

Lần gia hạn Hợp đồng	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
BH Hỗ Trợ Viện Phí	290	350	350	350	350	350	420	420	420	420	420	500	500	500	500

Lần gia hạn Hợp đồng	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44
BH Hỗ Trợ Viện Phí	500	700	700	700	700	700	900	900	900	900	900	1.100	1.100	1.100	1.100

Ghi chú:

- Số tiền thể hiện ở trên là tổng Phí bảo hiểm của tất cả những Người được bảo hiểm tham gia của từng sản phẩm bổ sung/bổ trợ.

THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG AN TÂM SONG HÀNH

STBH: Số tiền bảo hiểm	NĐBH: Người được bảo hiểm	QLBH: Quyền lợi bảo hiểm	GTTKHD: giá trị Tài khoản hợp đồng
QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỰ KIỆN BẢO HIỂM/ ĐIỀU KIỆN NHẬN QUYỀN LỢI	QUYỀN LỢI	
QLBH Tử vong	NĐBH chính tử vong không do Tai nạn.	Nhận giá trị lớn hơn của 1.000.000.000 đồng và GTTKHD.	
	NĐBH chính tử vong do Tai nạn trước tuổi 66. <i>Điều kiện: Người được song hành bảo vệ chưa nhận quyền lợi này.</i>	Thêm 200.000.000 đồng.	
	NĐBH chính tử vong do Tai nạn đặc biệt trước tuổi 66. <i>Điều kiện: Người được song hành bảo vệ chưa nhận quyền lợi này.</i>	Thêm 500.000.000 đồng.	
QLBH Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	NĐBH chính bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước tuổi 66.	Nhận giá trị lớn hơn của 1.000.000.000 đồng và GTTKHD.	
QLBH Chu toàn hậu sự	Ngay khi nhận được yêu cầu giải quyết QLBH tử vong. <i>Điều kiện:</i> - Sự kiện tử vong xảy ra sau 01 năm kể từ ngày hiệu lực hợp đồng hoặc ngày Hợp đồng bảo hiểm được chấp thuận khôi phục gần nhất, tùy ngày nào xảy ra sau; và - Nguyên nhân tử vong không nằm trong các trường hợp loại trừ bảo hiểm.	Ứng trước 10% QLBH Tử vong và tối đa 30 triệu đồng.	
QLBH Song hành bảo vệ (Trước khi NĐBH chính đạt 66 tuổi)	Người được song hành bảo vệ tử vong do Tai nạn. <i>Điều kiện: Người được song hành bảo vệ tử vong do Tai nạn trước tuổi 66.</i>	Nhận 200.000.000 đồng.	
	Người được song hành bảo vệ tử vong do Tai nạn đặc biệt. <i>Điều kiện: Người được song hành bảo vệ tử vong do Tai nạn đặc biệt trước tuổi 66.</i>	Nhận 500.000.000 đồng.	

Quyền lợi Đảm bảo tăng STBH	NĐBH chính kết hôn/sinh con; hoặc Con của NĐBH chính vào học cấp 1/2/3, Cao đẳng hoặc Đại học. <i>Điều kiện: NĐBH chưa đạt 50 tuổi và chưa có yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm nào. Yêu cầu phải được nộp trong vòng 90 ngày kể từ ngày phát sinh một trong các sự kiện này.</i>			Yêu cầu tăng thêm tối đa 50% Số tiền bảo hiểm và không vượt quá 500 triệu đồng mà không cần thẩm định lại sức khỏe.		
QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ						
Quyền lợi Hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung	Hàng tháng, Bên mua bảo hiểm hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Lãi suất đầu tư được công bố có thể tăng/giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ Liên kết chung nhưng trong mọi trường hợp sẽ được đảm bảo không thấp hơn lãi suất cam kết dưới đây:					
	Năm hợp đồng	1	2 - 10	11 - 15	16 - 25	Từ năm thứ 26 trở đi
	Mức lãi suất tối thiểu cam kết (%/năm)	3%	2%	1%	0,50%	0,25%
QUYỀN LỢI KHÁC	SỰ KIỆN BẢO HIỂM/ ĐIỀU KIỆN NHẬN QUYỀN LỢI			QUYỀN LỢI		
Quyền lợi Thưởng duy trì hợp đồng	Vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 4 và vào (các) Ngày kỷ niệm năm hợp đồng liền sau khi kết thúc mỗi 2 Năm hợp đồng sau đó. <i>Điều kiện: Đóng phí đầy đủ và chưa từng rút tiền từ Tài khoản hợp đồng hoặc Tạm ứng từ Giá trị hoàn lại trong 24 tháng liền kề trước Ngày kỷ niệm năm hợp đồng xét thưởng.</i>			Nhận 2% GTTKHĐ trung bình của 24 tháng liền kề trước thời điểm xem xét tương ứng.		
Quyền lợi Thưởng Gắn bó dài lâu	Vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 10 và 20. <i>Điều kiện: Đóng phí đầy đủ và chưa từng rút tiền từ Tài khoản hợp đồng hoặc Tạm ứng từ Giá trị hoàn lại trong 120 tháng liền kề trước Ngày kỷ niệm năm hợp đồng xét thưởng.</i>			Nhận 10% GTTKHĐ trung bình của 120 tháng liền kề trước thời điểm xem xét tương ứng.		
Quyền lợi Đáo hạn	Ngày đáo hạn Hợp đồng bảo hiểm. <i>Điều kiện: Hợp đồng bảo hiểm vẫn còn hiệu lực đến hết ngày liền trước Ngày đáo hạn hợp đồng.</i>			Nhận 100% GTTKHĐ.		

Tài liệu minh họa bán hàng của sản phẩm bảo hiểm **An Tâm Song Hành**

Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung của CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

Ghi chú: Để biết thêm chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều kiện chi trả, vui lòng tham khảo quy định cụ thể tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm được công khai tại địa chỉ website <https://dai-ichi-life.com.vn/> hoặc Quy tắc và Điều khoản được Dai-ichi Life Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành (nếu có).

**THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
CỦA (CÁC) SẢN PHẨM BỔ SUNG/BỔ TRỢ**

STBH: Số tiền bảo hiểm

NĐBH: Người được bảo hiểm

QLBH: Quyền lợi bảo hiểm

SẢN PHẨM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	
BẢO HIỂM TAI NẠN CAO CẤP	QLBH Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn do tai nạn	Nhận 100% STBH.
	QLBH Tử vong do tai nạn đặc biệt	Nhận 200% STBH.
	QLBH Thương tật do tai nạn	Nhận tỷ lệ % STBH theo bảng sự kiện và tỷ lệ thanh toán.
	QLBH Hỗ trợ viện phí do tai nạn	Nhận 200.000 đồng cho mỗi ngày nằm viện điều trị nội trú.
BẢO HIỂM HỖ TRỢ VIỆN PHÍ	QLBH Hỗ trợ viện phí	Nhận 100% STBH cho mỗi ngày nằm viện. Tối đa 20 ngày/đợt nằm viện, 100 ngày/năm hợp đồng không vượt quá 1.000 ngày trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Hỗ trợ điều trị tại khoa/phòng chăm sóc đặc biệt	Thêm 100% STBH cho mỗi ngày nằm viện điều trị tại khoa/phòng chăm sóc đặc biệt. Tối đa 10 ngày/đợt nằm viện và 50 ngày/năm hợp đồng và không vượt quá 500 ngày nằm viện trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Hỗ trợ chi phí phẫu thuật	Thêm 500% STBH cho mỗi lần nằm viện có phẫu thuật. Tối đa 1 lần phẫu thuật/đợt nằm viện, 5 lần phẫu thuật/năm hợp đồng và không vượt quá 20 lần trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Điều trị tại khoa/phòng cấp cứu do tai nạn	Thêm 100% STBH cho mỗi lần nằm viện có điều trị tại khoa/phòng cấp cứu do tai nạn. Tối đa 1 lần điều trị/đợt nằm viện, 5 lần điều trị/năm hợp đồng và không vượt quá 20 lần điều trị trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	Hỗ trợ điều trị ngoại trú	100% STBH cho mỗi lần lọc thận hoặc hóa trị/xạ trị ung thư. Tối đa 100 lần điều trị/năm hợp đồng và không vượt quá 1.000 lần điều trị trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
Lưu ý: Tổng các quyền lợi bảo hiểm được chi trả của sản phẩm này không vượt quá 1.000 lần Số tiền bảo hiểm.		

Ghi chú: Để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi của các sản phẩm bảo hiểm bổ sung/bổ trợ nêu trên, vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm được công khai tại địa chỉ website <https://dai-ichi-life.com.vn/> hoặc Quy tắc và điều khoản được Dai-ichi Life Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành (nếu có).

ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

Dai-ichi Life Việt Nam sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu sự kiện bảo hiểm thuộc một trong các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo Quy tắc và Điều khoản của các sản phẩm đã tham gia. Quý khách vui lòng tham khảo thông tin tóm tắt Điều khoản loại trừ bảo hiểm tại Tài liệu giới thiệu sản phẩm và tham khảo nội dung chi tiết tại Quy tắc và Điều khoản của từng sản phẩm:

SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG AN TÂM SONG HÀNH	
• Điều khoản loại trừ bảo hiểm	Tham khảo tại Khoản 3 Điều 2 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.
SẢN PHẨM BẢO HIỂM BỔ SUNG/BỔ TRỢ	
• Bảo hiểm Tai Nạn Cao Cấp	Tham khảo tại Điều 3 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.
• Bảo hiểm Hỗ Trợ Viện Phí	Tham khảo tại Điều 3 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.

Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm các Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm được công khai tại địa chỉ website <https://dai-ichi-life.com.vn/> hoặc Quy tắc và Điều khoản được Dai-ichi Life Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành (nếu có).

CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG

- Phí bảo hiểm cơ bản**

Là số tiền mà Bên mua bảo hiểm phải đóng đủ cho mỗi Năm phí bảo hiểm và được quy định trong Chứng nhận bảo hiểm hoặc các thỏa thuận khác (nếu có). Phí bảo hiểm cơ bản bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính và Phí bảo hiểm cơ bản của (các) sản phẩm bổ sung/bổ trợ (nếu có).
- Phí bảo hiểm đóng thêm**

Là khoản tiền được đóng thêm ngoài Phí bảo hiểm cơ bản tính đến hết Năm hợp đồng hiện hành.
- Phí đem đi đầu tư**

Là số tiền còn lại của Phí bảo hiểm cơ bản và Phí đóng thêm sau khi trừ đi Phí ban đầu và được phân bổ vào Tài khoản hợp đồng. Số tiền này sẽ được đem đi đầu tư vào Quỹ Liên kết chung.
- Phí ban đầu**
(Phí ban đầu của sản phẩm chính & Phí ban đầu/ phí khai thác của sản phẩm bổ sung/bổ trợ)

Là khoản phí được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản và Phí đóng thêm trước khi phân bổ vào Tài khoản hợp đồng. Với tỷ lệ sau:

Năm phí bảo hiểm	1	2	3	4	5	6+
% Phí bảo hiểm cơ bản (Sản phẩm chính & Sản phẩm bổ sung/bổ trợ)	75%	30%	25%	20%	10%	3%
% Phí bảo hiểm đóng thêm	2%					1%
- Phí bảo hiểm rủi ro (Phí rủi ro)**

Là khoản phí khấu trừ hàng tháng để đảm bảo chi trả quyền lợi bảo hiểm rủi ro của Sản phẩm chính và Sản phẩm bổ sung/bổ trợ. Phí bảo hiểm rủi ro trong Bảng minh họa bên dưới chưa bao gồm phần phí tăng vì tình trạng sức khỏe của Người được bảo hiểm.
- Phí quản lý hợp đồng**

Là khoản phí khấu trừ hàng tháng liên quan đến việc quản lý, duy trì Hợp đồng bảo hiểm. Phí quản lý hợp đồng hàng tháng được xác định theo năm dương lịch tại thời điểm khấu trừ theo bảng sau:

Năm dương lịch	2024	2025	2026	2027	2028+
Phí quản lý hợp đồng (đồng/tháng)	45.900	49.500	53.400	57.600	60.000
- Phí quản lý quỹ**

Tối đa là 2% giá trị Tài khoản hợp đồng/năm để chi trả cho các hoạt động đầu tư và quản lý Quỹ Liên kết chung. Khoản phí này sẽ được khấu trừ trước khi công bố lãi suất đầu tư.

Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn = Tỷ lệ phí * Trung bình của Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của 12 tháng liền kề trước đó. Tỷ lệ phí như sau:

● Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn	Năm hợp đồng	1 - 3	4 - 6	7	8	9	Từ năm thứ 10 trở đi
	Tỷ lệ phí	90%	75%	60%	40%	20%	0%
● Phí rút một phần giá trị Tài khoản hợp đồng	Là khoản phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu rút tiền từ giá trị Tài khoản hợp đồng. Tỷ lệ phí rút một phần giá trị Tài khoản hợp đồng bằng với tỷ lệ của phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và được tính trên tỷ lệ giữa khoản tiền Bên mua bảo hiểm yêu cầu rút ra so với Giá trị hoàn lại tại thời điểm rút.						
● Phí tạm ứng	Là số tiền phát sinh từ các khoản tạm ứng tích lũy, và được áp dụng theo mức lãi suất cập nhật trên trang thông tin điện tử của Dai-ichi Life Việt Nam.						

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

Quỹ Liên kết chung là quỹ được hình thành từ nguồn phí bảo hiểm và các khoản phí đóng thêm của tất cả các Hợp đồng bảo hiểm sản phẩm bảo hiểm liên kết chung.

Dai-ichi Life Việt Nam sử dụng Quỹ Liên kết chung để đầu tư với chính sách đầu tư thận trọng, tập trung chủ yếu vào các tài sản đầu tư có thu nhập ổn định như tiền gửi ngân hàng, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các kênh đầu tư an toàn khác. Thông tin về Quỹ Liên kết chung sẽ được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Dai-ichi Life Việt Nam tại địa chỉ website <https://dai-ichi-life.com.vn>.

Đơn vị nhận ủy thác: Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam - DFVN

Lãi suất công bố trong 5 năm gần nhất của Quỹ Liên kết chung:

Năm	2019	2020	2021	2022	2023
Lãi suất công bố	5,0% - 5,7%	4,5% - 5,3%	4,0% - 5,1%	3,5% - 5,0%	3,4% - 5,0%

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 1: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

I. MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng Tuổi NDBH chính	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại lãi suất đầu tư cam kết	Tại lãi suất đầu tư dự kiến 4,6%
1 30	19.175	10.825	30.000	14.381	217	14.598	4.794	10.609	15.402	576	2.404	2.404
2 31	19.175	10.825	30.000	5.753	217	5.969	13.423	10.609	24.031	621	2.423	2.422
3 32	19.175	10.825	30.000	4.794	217	5.010	14.381	10.609	24.990	670	2.438	2.435
4 33	19.175	10.825	30.000	3.835	217	4.052	15.340	10.609	25.949	708	2.466	2.461
5 34	19.175	10.825	30.000	1.918	217	2.134	17.258	10.609	27.866	720	2.486	2.475
6 35	19.175	10.825	30.000	575	108	684	18.600	10.717	29.317	720	2.517	2.500
7 36	19.175	10.825	30.000	575	108	684	18.600	10.717	29.317	720	2.563	2.536
8 37	19.175	10.825	30.000	575	108	684	18.600	10.717	29.317	720	2.621	2.582
9 38	19.175	10.825	30.000	575	108	684	18.600	10.717	29.317	720	2.684	2.627
10 39	19.175	10.825	30.000	575	108	684	18.600	10.717	29.317	720	2.758	2.678
11 40	19.175	10.825	30.000	575	108	684	18.600	10.717	29.317	720	2.791	2.672
12 41	19.240	10.760	30.000	577	108	685	18.663	10.652	29.315	720	2.916	2.748
13 42	19.240	10.760	30.000	577	108	685	18.663	10.652	29.315	720	2.960	2.728
14 43	19.240	10.760	30.000	577	108	685	18.663	10.652	29.315	720	3.003	2.696
15 44	19.240	10.760	30.000	577	108	685	18.663	10.652	29.315	720	3.015	2.611

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 1: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Năm hợp đồng Tuổi NDBH chính	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại lãi suất đầu tư cam kết	Tại lãi suất đầu tư dự kiến 4,6%
16 45	19.240	10.760	30.000	577	108	685	18.663	10.652	29.315	720	3.042	2.523
17 46	19.300	10.700	30.000	579	107	686	18.721	10.593	29.314	720	3.073	2.403
18 47	19.300	10.700	30.000	579	107	686	18.721	10.593	29.314	720	3.086	2.244
19 48	19.300	10.700	30.000	579	107	686	18.721	10.593	29.314	720	3.046	1.981
20 49	19.300	10.700	30.000	579	107	686	18.721	10.593	29.314	720	3.040	1.727
Theo quy định của Bộ Tài chính, minh họa Sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung phải dựa trên mức lãi suất cam kết từ năm HĐ thứ 21 trở đi (0,5%/năm cho năm HĐ 21-25 và 0,25%/năm sau đó). Lãi suất minh họa này chỉ mang tính tham khảo, khách hàng sẽ hưởng lãi từ kết quả đầu tư thực tế của Quỹ Liên kết chung.												
21 50	19.300	10.700	30.000	579	107	686	18.721	10.593	29.314	720	2.729	1.158
25 54	19.370	10.630	30.000	581	106	687	18.789	10.524	29.313	720	2.293	1.217
30 59	19.450	10.550	30.000	584	106	689	18.867	10.445	29.311	720	1.284	1.284
35 64	19.650	10.350	30.000	590	104	693	19.061	10.247	29.307	720	1.452	1.452
40 69	19.850	10.150	30.000	596	102	697	19.255	10.049	29.303	720	1.620	1.620
45 74										720	1.788	1.788
50 79										720		
55 84										720		
60 89										720		
65 94										720		

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 1: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Năm hợp đồng Tuổi NDBH chính	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại lãi suất đầu tư cam kết	Tại lãi suất đầu tư dự kiến 4,6%
70 99										720		
Tổng/ Cộng dồn	775.375	424.625	1.200.000	51.065	4.788	55.853	724.310	419.838	1.144.148	50.096	100.391	85.627

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 1: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

II. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết			Quyền lợi tại lãi suất đầu tư dự kiến			Khoản tiền rút ra dự kiến
						4,6%/năm cho 20 năm đầu và bằng lãi suất đầu tư cam kết cho năm thứ 21 trở về sau			
			Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	
1 30	30.000	15.402	1.000.000		12.836	1.000.000		13.057	
2 31	30.000	24.031	1.000.000		34.528	1.000.000		35.676	
3 32	30.000	24.990	1.000.000		57.567	1.000.000		60.275	
4 33	30.000	25.949	1.000.000	1.412	83.389	1.000.000	1.471	88.414	
5 34	30.000	27.866	1.000.000		110.240	1.000.000		118.354	
6 35	30.000	29.317	1.000.000	2.500	141.575	1.000.000	2.669	153.833	
7 36	30.000	29.317	1.000.000		170.991	1.000.000		188.238	
8 37	30.000	29.317	1.000.000	3.716	204.653	1.000.000	4.070	228.249	
9 38	30.000	29.317	1.000.000		235.207	1.000.000		265.983	
10 39	30.000	29.317	1.000.000	18.126	284.425	1.000.000	19.972	325.372	
11 40	30.000	29.317	1.000.000		313.349	1.000.000		367.528	
12 41	30.000	29.315	1.000.000	6.561	348.996	1.000.000	7.663	419.207	
13 42	30.000	29.315	1.000.000		378.394	1.000.000		465.621	
14 43	30.000	29.315	1.000.000	7.863	415.906	1.000.000	9.630	523.832	
15 44	30.000	29.315	1.000.000		445.918	1.000.000		575.179	
16 45	30.000	29.315	1.000.000	9.201	483.038	1.000.000	11.827	640.804	

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 1: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Năm hợp đồng Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết			Quyền lợi tại lãi suất đầu tư dự kiến			Khoản tiền rút ra dự kiến
			4,6%/năm cho 20 năm đầu và bằng lãi suất đầu tư cam kết cho năm thứ 21 trở về sau						
			Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	
17 46	30.000	29.314	1.000.000		511.111	1.000.000		697.743	
18 47	30.000	29.314	1.000.000	10.515	549.825	1.000.000	14.284	771.747	
19 48	30.000	29.314	1.000.000		578.258	1.000.000		835.142	
20 49	30.000	29.314	1.000.000	57.856	664.696	1.000.000	77.481	979.194	
Theo quy định của Bộ Tài chính, minh họa Sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung phải dựa trên mức lãi suất cam kết từ năm HĐ thứ 21 trở đi (0,5%/năm cho năm HĐ 21-25 và 0,25%/năm sau đó). Lãi suất minh họa này chỉ mang tính tham khảo, khách hàng sẽ hưởng lãi từ kết quả đầu tư thực tế của Quỹ Liên kết chung.									
21 50	30.000	29.314	1.000.000		694.022	1.011.667		1.011.667	
25 54	30.000	29.313	1.000.000		843.683	1.186.149		1.186.149	
30 59	30.000	29.311	1.046.167	20.216	1.046.167	1.416.238	27.455	1.416.238	
35 64	30.000	29.307	1.241.683		1.241.683	1.631.505		1.631.505	
40 69	30.000	29.303	1.474.252	28.596	1.474.252	1.893.072	36.789	1.893.072	
45 74			1.480.322		1.480.322	1.904.404		1.904.404	
50 79			1.495.296		1.495.296	1.924.705		1.924.705	
55 84			1.510.458		1.510.458	1.945.262		1.945.262	
60 89			1.525.811		1.525.811	1.966.077		1.966.077	
65 94			1.541.356		1.541.356	1.987.153		1.987.153	
70 99			1.557.097		1.557.097	2.008.494		2.008.494	

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 1: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Năm hợp đồng Tuổi NĐBH chính	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết			Quyền lợi tại lãi suất đầu tư dự kiến			Khoản tiền rút ra dự kiến
						4,6%/năm cho 20 năm đầu và bằng lãi suất đầu tư cam kết cho năm thứ 21 trở về sau			
			Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	
Tổng/ Cộng dồn	1.200.000	1.144.148		329.438	1.557.097		433.864	2.008.494	

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 2: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

I. MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng Tuổi NDBH chính	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại lãi suất đầu tư cam kết	Tại lãi suất đầu tư dự kiến 4,6%
1 30	19.175	10.825	30.000	14.381	217	14.598	4.794	10.609	15.402	576	2.404	2.404
2 31	19.175	10.825	30.000	5.753	217	5.969	13.423	10.609	24.031	621	2.423	2.422
3 32	19.175	10.825	30.000	4.794	217	5.010	14.381	10.609	24.990	670	2.438	2.435
4 33	19.175	10.825	30.000	3.835	217	4.052	15.340	10.609	25.949	708	2.466	2.461
5 34										720	2.531	2.521
6 35										720	2.616	2.602
7 36										720	2.730	2.710
8 37										720	2.863	2.836
9 38										720	3.024	2.990
10 39										720	3.205	3.162
11 40										720	3.407	3.352
12 41										720	3.676	3.606
13 42										720	3.902	3.816
14 43										720	4.122	4.018
15 44										720	4.363	4.239

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 2: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

Năm hợp đồng Tuổi NDBH chính	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại lãi suất đầu tư cam kết	Tại lãi suất đầu tư dự kiến 4,6%
16 45										720	4.608	4.461
17 46										720	4.907	4.736
18 47										720	5.189	4.989
19 48										720	5.494	5.263
20 49										720	5.824	5.559
Theo quy định của Bộ Tài chính, minh họa Sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung phải dựa trên mức lãi suất cam kết từ năm HĐ thứ 21 trở đi (0,5%/năm cho năm HĐ 21-25 và 0,25%/năm sau đó). Lãi suất minh họa này chỉ mang tính tham khảo, khách hàng sẽ hưởng lãi từ kết quả đầu tư thực tế của Quỹ Liên kết chung.												
21 50										720	6.189	5.893
24 53										720	(*)	7.239
25 54										720		7.737
30 59												(*)
Tổng/ Cộng dồn	76.700	43.300	120.000	28.763	866	29.629	47.938	42.434	90.372	20.576	92.137	140.895

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ để khấu trừ các chi phí hàng tháng.

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 2: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

II. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết			Quyền lợi tại lãi suất đầu tư dự kiến			Khoản tiền rút ra dự kiến
						4,6%/năm cho 20 năm đầu và bằng lãi suất đầu tư cam kết cho năm thứ 21 trở về sau			
			Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	
1 30	30.000	15.402	1.000.000		12.836	1.000.000		13.057	
2 31	30.000	24.031	1.000.000		34.528	1.000.000		35.676	
3 32	30.000	24.990	1.000.000		57.567	1.000.000		60.275	
4 33	30.000	25.949	1.000.000	1.412	83.389	1.000.000	1.471	88.414	
5 34			1.000.000		81.771	1.000.000		89.160	
6 35			1.000.000		80.034	1.000.000		89.857	
7 36			1.000.000		78.148	1.000.000		90.476	
8 37			1.000.000		76.089	1.000.000		90.994	
9 38			1.000.000		73.826	1.000.000		91.378	
10 39			1.000.000		71.335	1.000.000		91.603	
11 40			1.000.000		67.899	1.000.000		91.645	
12 41			1.000.000		64.158	1.000.000		91.427	
13 42			1.000.000		60.153	1.000.000		90.985	
14 43			1.000.000		55.886	1.000.000		90.315	
15 44			1.000.000		51.335	1.000.000		89.388	
16 45			1.000.000		46.249	1.000.000		88.190	

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 2: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

Năm hợp đồng Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết			Quyền lợi tại lãi suất đầu tư dự kiến			Khoản tiền rút ra dự kiến
						4,6%/năm cho 20 năm đầu và bằng lãi suất đầu tư cam kết cho năm thứ 21 trở về sau			
			Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	
17 46			1.000.000		40.838	1.000.000		86.656	
18 47			1.000.000		35.118	1.000.000		84.792	
19 48			1.000.000		29.063	1.000.000		82.561	
20 49			1.000.000		22.647	1.000.000		79.925	
Theo quy định của Bộ Tài chính, minh họa Sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung phải dựa trên mức lãi suất cam kết từ năm HĐ thứ 21 trở đi (0,5%/năm cho năm HĐ 21-25 và 0,25%/năm sau đó). Lãi suất minh họa này chỉ mang tính tham khảo, khách hàng sẽ hưởng lãi từ kết quả đầu tư thực tế của Quỹ Liên kết chung.									
21 50			1.000.000		15.833	1.000.000		73.693	
24 53			(*)			1.000.000		52.147	
25 54						1.000.000		43.928	
30 59						(*)			
Tổng/ Cộng dồn	120.000	90.372		1.412			1.471		

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ để khấu trừ các chi phí hàng tháng.

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 3: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM CƠ BẢN CHO TỚI KHI NDBH CHÍNH ĐẠT TUỔI 75

I. MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng Tuổi NDBH chính	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại lãi suất đầu tư cam kết	Tại lãi suất đầu tư dự kiến 4,6%
1 30	19.175		19.175	14.381		14.381	4.794		4.794	576	2.419	2.419
2 31	19.175		19.175	5.753		5.753	13.423		13.423	621	2.454	2.454
3 32	19.175		19.175	4.794		4.794	14.381		14.381	670	2.486	2.485
4 33	19.175		19.175	3.835		3.835	15.340		15.340	708	2.535	2.532
5 34	19.175		19.175	1.918		1.918	17.258		17.258	720	2.577	2.572
6 35	19.175		19.175	575		575	18.600		18.600	720	2.634	2.627
7 36	19.175		19.175	575		575	18.600		18.600	720	2.713	2.700
8 37	19.175		19.175	575		575	18.600		18.600	720	2.807	2.788
9 38	19.175		19.175	575		575	18.600		18.600	720	2.918	2.890
10 39	19.175		19.175	575		575	18.600		18.600	720	3.044	3.004
11 40	19.175		19.175	575		575	18.600		18.600	720	3.157	3.097
12 41	19.240		19.240	577		577	18.663		18.663	720	3.349	3.263
13 42	19.240		19.240	577		577	18.663		18.663	720	3.477	3.357
14 43	19.240		19.240	577		577	18.663		18.663	720	3.599	3.439
15 44	19.240		19.240	577		577	18.663		18.663	720	3.714	3.502

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 3: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM CƠ BẢN CHO TỚI KHI NĐBH CHÍNH ĐẠT TUỔI 75

Năm hợp đồng Tuổi NĐBH chính	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại lãi suất đầu tư cam kết	Tại lãi suất đầu tư dự kiến 4,6%
16 45	19.240		19.240	577		577	18.663		18.663	720	3.837	3.564
17 46	19.300		19.300	579		579	18.721		18.721	720	3.985	3.631
18 47	19.300		19.300	579		579	18.721		18.721	720	4.115	3.669
19 48	19.300		19.300	579		579	18.721		18.721	720	4.226	3.659
20 49	19.300		19.300	579		579	18.721		18.721	720	4.365	3.665
Theo quy định của Bộ Tài chính, minh họa Sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung phải dựa trên mức lãi suất cam kết từ năm HĐ thứ 21 trở đi (0,5%/năm cho năm HĐ 21-25 và 0,25%/năm sau đó). Lãi suất minh họa này chỉ mang tính tham khảo, khách hàng sẽ hưởng lãi từ kết quả đầu tư thực tế của Quỹ Liên kết chung.												
21 50	19.300		19.300	579		579	18.721		18.721	720	4.352	3.488
25 54	19.370		19.370	581		581	18.789		18.789	720	4.947	3.694
30 59	19.450		19.450	584		584	18.867		18.867	720	5.461	3.614
35 64	19.650		19.650	590		590	19.061		19.061	720	6.320	3.147
40 69	19.850		19.850	596		596	19.255		19.255	720	7.042	1.620
45 74	20.050		20.050	602		602	19.449		19.449	720	6.855	1.788
50 79										720	8.069	
55 84										720	20.455	
60 89										720	67.534	
64 93										720	(*)	

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 3: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM CƠ BẢN CHO TỚI KHI NDBH CHÍNH ĐẠT TUỔI 75

Năm hợp đồng Tuổi NDBH chính	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại lãi suất đầu tư cam kết	Tại lãi suất đầu tư dự kiến 4,6%
65 94										720		
70 99										720		
Tổng/ Cộng dồn	893.415		893.415	54.606		54.606	838.809		838.809	50.096	907.137	135.654

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ để khấu trừ các chi phí hàng tháng.

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 3: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM CƠ BẢN CHO TỚI KHI NĐBH CHÍNH ĐẠT TUỔI 75

II. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng Tuổi NĐBH chính	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết			Quyền lợi tại lãi suất đầu tư dự kiến			Khoản tiền rút ra dự kiến
						4,6%/năm cho 20 năm đầu và bằng lãi suất đầu tư cam kết cho năm thứ 21 trở về sau			
			Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	
1 30	19.175	4.794	1.000.000		1.895	1.000.000		1.946	
2 31	19.175	13.423	1.000.000		12.515	1.000.000		12.924	
3 32	19.175	14.381	1.000.000		24.244	1.000.000		25.329	
4 33	19.175	15.340	1.000.000	637	37.736	1.000.000	661	39.881	
5 34	19.175	17.258	1.000.000		52.760	1.000.000		56.393	
6 35	19.175	18.600	1.000.000	1.241	70.638	1.000.000	1.317	76.330	
7 36	19.175	18.600	1.000.000		87.553	1.000.000		95.792	
8 37	19.175	18.600	1.000.000	1.937	106.647	1.000.000	2.107	118.165	
9 38	19.175	18.600	1.000.000		124.075	1.000.000		139.357	
10 39	19.175	18.600	1.000.000	9.321	151.044	1.000.000	10.218	171.625	
11 40	19.175	18.600	1.000.000		167.442	1.000.000		195.063	
12 41	19.240	18.663	1.000.000	3.534	187.409	1.000.000	4.096	223.572	
13 42	19.240	18.663	1.000.000		203.913	1.000.000		249.200	
14 43	19.240	18.663	1.000.000	4.263	224.722	1.000.000	5.182	281.104	
15 44	19.240	18.663	1.000.000		241.361	1.000.000		309.229	
16 45	19.240	18.663	1.000.000	5.006	261.760	1.000.000	6.385	344.971	

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 3: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM CƠ BẢN CHO TỚI KHI NĐBH CHÍNH ĐẠT TUỔI 75

Năm hợp đồng Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết			Quyền lợi tại lãi suất đầu tư dự kiến			Khoản tiền rút ra dự kiến
						4,6%/năm cho 20 năm đầu và bằng lãi suất đầu tư cam kết cho năm thứ 21 trở về sau			
			Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	
17 46	19.300	18.721	1.000.000		277.166	1.000.000		375.962	
18 47	19.300	18.721	1.000.000	5.728	298.245	1.000.000	7.723	416.064	
19 48	19.300	18.721	1.000.000		313.592	1.000.000		450.298	
20 49	19.300	18.721	1.000.000	31.442	360.318	1.000.000	41.813	527.912	
Theo quy định của Bộ Tài chính, minh họa Sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung phải dựa trên mức lãi suất cam kết từ năm HĐ thứ 21 trở đi (0,5%/năm cho năm HĐ 21-25 và 0,25%/năm sau đó). Lãi suất minh họa này chỉ mang tính tham khảo, khách hàng sẽ hưởng lãi từ kết quả đầu tư thực tế của Quỹ Liên kết chung.									
21 50	19.300	18.721	1.000.000		375.849	1.000.000		545.147	
25 54	19.370	18.789	1.000.000		453.736	1.000.000		637.832	
30 59	19.450	18.867	1.000.000	10.774	554.294	1.000.000	14.770	760.321	
35 64	19.650	19.061	1.000.000		647.523	1.000.000		877.490	
40 69	19.850	19.255	1.000.000	14.752	756.344	1.026.520	19.937	1.026.520	
45 74	20.050	19.449	1.000.000		856.699	1.168.398		1.168.398	
50 79			1.000.000		867.480	1.220.912		1.220.912	
55 84			1.000.000		802.911	1.232.627		1.232.627	
60 89			1.000.000		590.917	1.244.489		1.244.489	
64 93			(*)			1.254.086		1.254.086	
65 94						1.256.500		1.256.500	
70 99						1.268.662		1.268.662	

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 3: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM CƠ BẢN CHO TỚI KHI NĐBH CHÍNH ĐẠT TUỔI 75

Năm hợp đồng Tuổi NĐBH chính	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết			Quyền lợi tại lãi suất đầu tư dự kiến			Khoản tiền rút ra dự kiến
			Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	
Tổng/ Cộng dồn	893.415	838.809		224.384			300.068	1.268.662	

MINH HỌA GIÁ TRỊ HOÀN LẠI VÀ TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN

Đơn vị tính: đồng

MINH HỌA GIÁ TRỊ HOÀN LẠI (*)	Năm hợp đồng	Trường hợp 1: Đóng Phí bảo hiểm trong thời hạn đóng phí dự kiến		Trường hợp 2: Đóng Phí bảo hiểm trong thời gian đóng phí bắt buộc		Trường hợp 3: Đóng Phí bảo hiểm cơ bản cho tới khi NDBH chính đạt tuổi 75	
		Giá trị minh họa đảm bảo tại lãi suất đầu tư cam kết	Giá trị minh họa không đảm bảo tại lãi suất đầu tư dự kiến	Giá trị minh họa đảm bảo tại lãi suất đầu tư cam kết	Giá trị minh họa không đảm bảo tại lãi suất đầu tư dự kiến	Giá trị minh họa đảm bảo tại lãi suất đầu tư cam kết	Giá trị minh họa không đảm bảo tại lãi suất đầu tư dự kiến
	1	-	-	-	-	-	-
	2	17.270.100	18.418.400	17.270.100	18.418.400	-	-
	3	40.309.200	43.017.300	40.309.200	43.017.300	6.986.700	8.071.400
	4	69.007.400	74.032.300	69.007.400	74.032.300	23.354.200	25.499.600
	5	95.858.400	103.973.000	67.389.300	74.778.300	38.379.000	42.011.700
	6	127.193.900	139.452.000	65.652.600	75.475.800	56.256.700	61.949.000
	7	159.485.800	176.732.700	66.642.600	78.971.000	76.047.700	84.286.800
	8	196.982.500	220.578.500	68.419.300	83.323.800	98.977.300	110.495.300
	9	231.372.300	262.147.900	69.991.400	87.543.000	120.239.500	135.521.900
Từ Năm hợp đồng thứ 10 trở đi Giá trị hoàn lại bằng với giá trị Tài khoản hợp đồng.							
TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN	Tổng số phí đóng dự kiến	1.200.000.000		120.000.000		893.415.000	
	Tổng số tiền rút dự kiến	0		0		0	
	Số tiền nhận khi đáo hạn	Giá trị minh họa đảm bảo tại lãi suất đầu tư cam kết	Giá trị minh họa không đảm bảo tại lãi suất đầu tư dự kiến	Giá trị minh họa đảm bảo tại lãi suất đầu tư cam kết	Giá trị minh họa không đảm bảo tại lãi suất đầu tư dự kiến	Giá trị minh họa đảm bảo tại lãi suất đầu tư cam kết	Giá trị minh họa không đảm bảo tại lãi suất đầu tư dự kiến
		1.557.096.700	2.008.493.700	0 HĐ mất hiệu lực năm 24	0 HĐ mất hiệu lực năm 30	0 HĐ mất hiệu lực năm 64	1.251.677.700

(*) Giá trị hoàn lại là số tiền Khách hàng sẽ nhận được nếu có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trong thời gian hợp đồng có hiệu lực. Khách hàng chỉ nhận Giá trị hoàn lại khi Hợp đồng bảo hiểm có Giá trị hoàn lại.

Ghi chú:

- Số tiền thể hiện ở cột “Tổng Phí bảo hiểm” đã bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản sản phẩm chính, Phí bảo hiểm đóng thêm và Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung/bổ trợ.
- Số tiền thể hiện ở cột “Khoản tiền rút ra dự kiến” là số tiền được giả định là Khách hàng rút ra từ giá trị Tài khoản hợp đồng và Phí rút một phần giá trị Tài khoản hợp đồng sẽ được khấu trừ vào giá trị Tài khoản hợp đồng.
- Phí bảo hiểm rủi ro trong minh họa này không bao gồm phần phí tăng vì lý do sức khỏe.
- Khoản khấu trừ chi phí hàng tháng bao gồm Phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm chính và của (các) sản phẩm bổ sung/bổ trợ và Phí quản lý hợp đồng.
- Bên mua bảo hiểm phải đóng phí để đảm bảo giá trị Tài khoản hợp đồng luôn lớn hơn Khoản khấu trừ hàng tháng.
- Các giá trị nêu trong các bảng minh họa bên trên được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào Năm hợp đồng. Các giá trị này có thể thay đổi phụ thuộc vào phí bảo hiểm thực đóng của Khách hàng, định kỳ đóng phí, thời điểm đóng phí và tùy thuộc kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Để biết thông tin chính xác giá trị Tài khoản và tình trạng của Hợp đồng bảo hiểm, Khách hàng nên thường xuyên theo dõi Hợp đồng bảo hiểm của mình tại địa chỉ website <https://kh.dai-ichi-life.com.vn/> hoặc ứng dụng Dai-ichi Connect.
- Giá trị hoàn lại được xác định dựa trên giá trị Tài khoản hợp đồng ngay ngày chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Nếu Hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt sớm, Khách hàng có thể nhận được số tiền ít hơn số phí đã đóng.
- Lãi suất đầu tư dự kiến được tính tại Tài liệu minh họa bán hàng là lãi suất công bố dự kiến trên cơ sở hàng năm và được đánh giá trên cơ sở lãi suất đầu tư thực tế hàng năm sau khi trừ đi phí quản lý quỹ tương ứng. Lãi suất này chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ Liên kết chung và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo cho Khách hàng trong tương lai, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.

MỘT SỐ LƯU Ý QUAN TRỌNG

- Hợp đồng sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung An Tâm Song Hành là một cam kết dài hạn, do vậy, quyền lợi sản phẩm chỉ được hiện thực hóa khi Bên mua bảo hiểm đóng phí đầy đủ và liên tục trong dài hạn. Bên mua bảo hiểm cần cân nhắc khi hủy Hợp đồng bảo hiểm trước hạn vì các khoản chi phí ban đầu rất cao. Việc Bên mua bảo hiểm hủy bỏ/chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí bảo hiểm đã đóng.
- Bên mua bảo hiểm cần phải đóng phí đầy đủ và đúng thời hạn. Nếu đóng phí không đầy đủ, không đúng hạn sẽ dẫn đến Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực. Khi Bên mua bảo hiểm khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm, Dai-ichi Life Việt Nam có quyền chấp nhận hoặc từ chối khôi phục nếu Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm không thỏa điều kiện tham gia bảo hiểm.
- Bên mua bảo hiểm cần tự đánh giá tất cả các quyền lợi theo hợp đồng của mình, hiểu rõ cách phân bổ phí bảo hiểm, các khoản chi phí khấu trừ hàng tháng và ảnh hưởng của khoản chi phí này đối với quyền lợi của mình.
- Bên mua bảo hiểm cần chắc chắn rằng Hợp đồng bảo hiểm này đáp ứng được các nhu cầu và khả năng tài chính của mình. Nếu Bên mua bảo hiểm muốn được cung cấp thêm thông tin hoặc làm rõ thêm về sản phẩm, vui lòng liên hệ với Dai-ichi Life Việt Nam hoặc đại lý bảo hiểm của Dai-ichi Life Việt Nam.
- Các loại Phí trong Hợp đồng bảo hiểm này có thể thay đổi nhưng không vượt quá mức quy định tối đa. Nếu vượt quá mức tối đa, các loại Phí này phải được sự chấp thuận của Bộ Tài chính.
- Việc tham gia các sản phẩm bảo hiểm bổ sung/bổ trợ không phải là điều kiện bắt buộc để duy trì hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm chính và việc tham gia này có thể sẽ ảnh hưởng đến Giá trị tài khoản hợp đồng.
- Việc Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm kê khai thông tin không đầy đủ và không trung thực khi tham gia bảo hiểm/khôi phục hiệu lực/điều chỉnh hợp đồng, Dai-ichi Life Việt Nam có quyền hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm và không chi trả bất kỳ quyền lợi bảo hiểm nào.

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

Tôi ký tên dưới đây xác nhận:

- 1- Tôi đã được thông tin về công cụ tính phí – xây dựng kế hoạch bảo hiểm trên Trang thông tin điện tử của Dai-ichi Life Việt Nam tại địa chỉ website <https://dai-ichi-life.com.vn>.
- 2- Tôi đã được tư vấn, giải thích chi tiết, đã đọc và hiểu rõ Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm, điều khoản loại trừ, quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, cũng như các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Tài liệu minh họa bán hàng này và tôi xác nhận không có bất kỳ thắc mắc, đề nghị làm rõ nào đối với nội dung tại Tài liệu minh họa bán hàng đã nêu trên.
- 3- Tôi đã hiểu rõ rằng:
 - Tài liệu minh họa bán hàng này được tính toán dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm được thẩm định ở mức rủi ro chuẩn. Phí bảo hiểm và Phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định của Dai-ichi Life Việt Nam và do đó có thể làm thay đổi các giá trị Tài khoản hợp đồng và Giá trị hoàn lại của hợp đồng.
 - Giá trị Tài khoản hợp đồng tùy thuộc vào mức lãi suất đầu tư thực tế, Phí bảo hiểm thực đóng, số tiền rút ra thực tế, và vì vậy giá trị này có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị ghi ở Tài liệu minh họa bán hàng này.
 - Hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực khi phí bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 4 Năm hợp đồng đầu tiên hoặc khi giá trị Tài khoản hợp đồng nhỏ hơn Khoản khấu trừ hàng tháng và Khoản nợ (nếu có) kể từ Năm hợp đồng thứ 5 trở đi.
- 4- Tôi đã hiểu rõ đặc điểm của sản phẩm bảo hiểm trong Tài liệu minh họa bán hàng này.
- 5- Tôi tự nguyện và đồng ý tham gia sản phẩm này.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

Tôi ký tên dưới đây xác nhận và cam kết đã giải thích trung thực, đầy đủ và đã tư vấn cho Bên mua bảo hiểm có tên nêu bên về chi tiết của Tài liệu minh họa bán hàng này cũng như các nội dung của Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

Lưu ý: Trường hợp Yêu cầu bảo hiểm nhân thọ được nộp bằng hệ thống nộp Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm trực tuyến, Bên mua bảo hiểm và đại lý bảo hiểm/nhân viên của đại lý bảo hiểm tổ chức sẽ thực hiện xác nhận Tài liệu minh họa bán hàng này bằng việc ký tại Phiếu Xác nhận Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm dữ liệu điện tử, thay vì ký tại Tài liệu này.

Ngày ký: ____/____/____

Chữ ký: _____

Bên mua bảo hiểm: Nguyễn Văn A

Ngày ký: ____/____/____

Chữ ký: _____

Đại lý bảo hiểm: Product Dummy Agent

Mã số đại lý: 158424

TÀI LIỆU MINH HỌA BÁN HÀNG
SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

AN TÂM SONG HÀNH

Quyền lợi bảo hiểm nâng cao



BẢO VỆ TÀI CHÍNH



- **Nhận 1.000.000.000 đồng cộng giá trị Tài khoản hợp đồng** khi Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn.
- **Nhận 200.000.000 đồng hoặc 500.000.000 đồng** khi tử vong do tai nạn hoặc tử vong do tai nạn đặc biệt.
- **Song hành bảo vệ mà không tăng phí.**

TÍCH LŨY TÀI CHÍNH



- Hưởng kết quả đầu tư từ Quỹ Liên kết chung và đảm bảo không thấp hơn lãi suất cam kết.
- **Nhận 404.834.500 đồng ***
Tổng Thuởng Duy trì hợp đồng và Thuởng Gắn bó dài lâu.
- **Nhận 100% giá trị Tài khoản hợp đồng** khi đáo hạn hợp đồng.

* Các giá trị trên đây được minh họa tại mức lãi suất đầu tư dự kiến

SCAN QR CODE ĐỂ THAM KHẢO THÊM THÔNG TIN



Trang thông tin sản phẩm (bao gồm
Quy tắc và Điều khoản sản phẩm)



Công cụ tính phí - Xây dựng
kế hoạch bảo hiểm



Thông tin của
Quỹ Liên kết chung



Ứng dụng **Dai-ichi Connect**
hỗ trợ quản lý hợp đồng

THÔNG TIN LIÊN HỆ

🏢 Trung tâm Dịch vụ Khách hàng: Tòa nhà Dai-ichi Life, 149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

☎ Hotline: (028) 3810 0888 - Bấm phím 1

📠 Fax: (028) 3997 3000

🌐 Website: <https://dai-ichi-life.com.vn>

✉ Email: customer.services@dai-ichi-life.com.vn





TRANG THÔNG TIN

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM					
Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm Bảo hiểm nhân thọ, Bảo hiểm sức khỏe, Tái bảo hiểm và Đầu tư vốn theo Giấy phép đầu tư số 2134/GP do Bộ KH - ĐT cấp ngày 12/10/1999 và Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC10/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18/01/2007; Vốn điều lệ: gần 9.800 tỷ đồng; Trụ sở chính: Tòa nhà Dai-ichi Life, 149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.					

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG					
		Họ và tên	Giới tính	Tuổi tham gia bảo hiểm	Nhóm nghề nghiệp
Bên mua bảo hiểm	BMBH	Nguyễn Văn A	Nam	37	1
Người được bảo hiểm chính	NDBH.1	Trần Ngọc B	Nữ	30	1
Người được song hành bảo vệ	NDBH.2	Nguyễn Văn A	Nam	37	1

THÔNG TIN CHUNG				
Sản phẩm	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Thời hạn đóng phí dự kiến (1) (năm)	Số tiền bảo hiểm (đồng)	Phí bảo hiểm cơ bản (đồng/năm)
Sản phẩm chính				
NDBH.1 - Trần Ngọc B				
Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung An Tâm Song Hành	70	40	1.000.000.000	17.990.000
Quyền lợi bảo hiểm nâng cao				
Sản phẩm bổ sung/bổ trợ				
NDBH.1 - Trần Ngọc B				
BH Hỗ Trợ Viện Phí (3)	gia hạn hàng năm	gia hạn hàng năm	100.000	225.000
BH Tai Nạn Cao Cấp	45	40	300.000.000	960.000

KẾ HOẠCH ĐÓNG PHÍ THEO ĐỊNH KỲ				Đơn vị tính: đồng
Định kỳ đóng Phí bảo hiểm dự kiến	Năm	Nửa năm	Quý	

Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ	19.175.000	9.587.500	4.793.800
● Phí bảo hiểm cơ bản Sản phẩm An Tâm Song Hành	17.990.000	8.995.000	4.497.500
● Phí bảo hiểm cơ bản các sản phẩm bổ sung/bổ trợ	1.185.000	592.500	296.300
Phí bảo hiểm đóng thêm định kỳ	10.825.000		
Phí bảo hiểm dự tính đóng định kỳ (2)	30.000.000		

Ghi chú:

- (1) Thời hạn đóng phí tối đa bằng Thời hạn bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm cần đóng đầy đủ và đúng hạn Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ trong 04 Năm hợp đồng đầu tiên và có thể đóng phí linh hoạt từ Năm hợp đồng thứ năm (05) trở đi với điều kiện giá trị Tài khoản hợp đồng sau khi trừ đi các Khoản nợ lớn hơn 0.
- (2) Phí bảo hiểm dự tính đóng định kỳ: Là tổng phí bảo hiểm dự tính đóng theo định kỳ bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm. Kế hoạch đóng phí theo định kỳ thể hiện ở bên trên là kế hoạch đóng phí cho năm đầu. Phí bảo hiểm và Phí bảo hiểm đóng thêm cho những năm sau sẽ được minh họa ở trang “Minh họa phân bổ Phí bảo hiểm và Quyền lợi bảo hiểm”.
- (3) Thời hạn bảo hiểm là 01 (một) năm và được gia hạn hàng năm nếu không có bên nào thông báo chấm dứt hiệu lực của sản phẩm bổ sung/bổ trợ này. Phí bảo hiểm của sản phẩm sẽ thay đổi hàng năm vào Ngày gia hạn năm hợp đồng theo tuổi đạt được của Người được bảo hiểm. Tham khảo thêm phí bảo hiểm các năm gia hạn hợp đồng ở trang “Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung/bổ trợ thay đổi hàng năm”. Mức phí bảo hiểm này có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

THÔNG TIN VỀ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM CÁ NHÂN

Họ và tên Đại lý bảo hiểm cá nhân: Product Dummy Agent

Mã số đại lý: 158424

PHÍ BẢO HIỂM (CÁC) SẢN PHẨM BỔ SUNG/BỔ TRỢ THAY ĐỔI HÀNG NĂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

Lần gia hạn Hợp đồng	Tham gia đầu tiên	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
BH Hỗ Trợ Viện Phí	225	225	225	225	225	225	225	225	225	225	225	290	290	290	290

Lần gia hạn Hợp đồng	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
BH Hỗ Trợ Viện Phí	290	350	350	350	350	350	420	420	420	420	420	500	500	500	500

Lần gia hạn Hợp đồng	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44
BH Hỗ Trợ Viện Phí	500	700	700	700	700	700	900	900	900	900	900	1.100	1.100	1.100	1.100

Ghi chú:

- Số tiền thể hiện ở trên là tổng Phí bảo hiểm của tất cả những Người được bảo hiểm tham gia của từng sản phẩm bổ sung/bổ trợ.

THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG AN TÂM SONG HÀNH

STBH: Số tiền bảo hiểm	NĐBH: Người được bảo hiểm	QLBH: Quyền lợi bảo hiểm	GTTKHD: giá trị Tài khoản hợp đồng
QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỰ KIỆN BẢO HIỂM/ ĐIỀU KIỆN NHẬN QUYỀN LỢI	QUYỀN LỢI	
QLBH Tử vong	NĐBH chính tử vong không do Tai nạn.	Nhận 1.000.000.000 đồng cộng với GTTKHD; hoặc nhận giá trị lớn hơn của 1.000.000.000 đồng và GTTKHD nếu tử vong xảy ra từ 70 tuổi trở đi.	
	NĐBH chính tử vong do Tai nạn trước tuổi 66. <i>Điều kiện: Người được song hành bảo vệ chưa nhận quyền lợi này.</i>	Thêm 200.000.000 đồng.	
	NĐBH chính tử vong do Tai nạn đặc biệt trước tuổi 66. <i>Điều kiện: Người được song hành bảo vệ chưa nhận quyền lợi này.</i>	Thêm 500.000.000 đồng.	
QLBH Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	NĐBH chính bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước tuổi 66.	Nhận 1.000.000.000 đồng cộng với GTTKHD.	
QLBH Chu toàn hậu sự	Ngay khi nhận được yêu cầu giải quyết QLBH tử vong. <i>Điều kiện:</i> - Sự kiện tử vong xảy ra sau 01 năm kể từ ngày hiệu lực hợp đồng hoặc ngày Hợp đồng bảo hiểm được chấp thuận khôi phục gần nhất, tùy ngày nào xảy ra sau; và - Nguyên nhân tử vong không nằm trong các trường hợp loại trừ bảo hiểm.	Ứng trước 10% QLBH Tử vong và tối đa 30 triệu đồng.	
QLBH Song hành bảo vệ (Trước khi NĐBH chính đạt 66 tuổi)	Người được song hành bảo vệ tử vong do Tai nạn. <i>Điều kiện: Người được song hành bảo vệ tử vong do Tai nạn trước tuổi 66.</i>	Nhận 200.000.000 đồng.	
	Người được song hành bảo vệ tử vong do Tai nạn đặc biệt. <i>Điều kiện: Người được song hành bảo vệ tử vong do Tai nạn đặc biệt trước tuổi 66.</i>	Nhận 500.000.000 đồng.	

Quyền lợi Đảm bảo tăng STBH	NĐBH chính kết hôn/sinh con; hoặc Con của NĐBH chính vào học cấp 1/2/3, Cao đẳng hoặc Đại học. <i>Điều kiện: NĐBH chưa đạt 50 tuổi và chưa có yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm nào. Yêu cầu phải được nộp trong vòng 90 ngày kể từ ngày phát sinh một trong các sự kiện này.</i>			Yêu cầu tăng thêm tối đa 50% Số tiền bảo hiểm và không vượt quá 500 triệu đồng mà không cần thẩm định lại sức khỏe.		
QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ						
Quyền lợi Hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung	Hàng tháng, Bên mua bảo hiểm hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Lãi suất đầu tư được công bố có thể tăng/giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ Liên kết chung nhưng trong mọi trường hợp sẽ được đảm bảo không thấp hơn lãi suất cam kết dưới đây:					
	Năm hợp đồng	1	2 - 10	11 - 15	16 - 25	Từ năm thứ 26 trở đi
	Mức lãi suất tối thiểu cam kết (%/năm)	3%	2%	1%	0,50%	0,25%
QUYỀN LỢI KHÁC	SỰ KIỆN BẢO HIỂM/ ĐIỀU KIỆN NHẬN QUYỀN LỢI			QUYỀN LỢI		
Quyền lợi Thưởng duy trì hợp đồng	Vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 4 và vào (các) Ngày kỷ niệm năm hợp đồng liền sau khi kết thúc mỗi 2 Năm hợp đồng sau đó. <i>Điều kiện: Đóng phí đầy đủ và chưa từng rút tiền từ Tài khoản hợp đồng hoặc Tạm ứng từ Giá trị hoàn lại trong 24 tháng liền kề trước Ngày kỷ niệm năm hợp đồng xét thưởng.</i>			Nhận 2% GTTKHĐ trung bình của 24 tháng liền kề trước thời điểm xem xét tương ứng.		
Quyền lợi Thưởng Gắn bó dài lâu	Vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 10 và 20. <i>Điều kiện: Đóng phí đầy đủ và chưa từng rút tiền từ Tài khoản hợp đồng hoặc Tạm ứng từ Giá trị hoàn lại trong 120 tháng liền kề trước Ngày kỷ niệm năm hợp đồng xét thưởng.</i>			Nhận 10% GTTKHĐ trung bình của 120 tháng liền kề trước thời điểm xem xét tương ứng.		
Quyền lợi Đáo hạn	Ngày đáo hạn Hợp đồng bảo hiểm. <i>Điều kiện: Hợp đồng bảo hiểm vẫn còn hiệu lực đến hết ngày liền trước Ngày đáo hạn hợp đồng.</i>			Nhận 100% GTTKHĐ.		

Tài liệu minh họa bán hàng của sản phẩm bảo hiểm **An Tâm Song Hành**

Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung của CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

Ghi chú: Để biết thêm chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều kiện chi trả, vui lòng tham khảo quy định cụ thể tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm được công khai tại địa chỉ website <https://dai-ichi-life.com.vn/> hoặc Quy tắc và Điều khoản được Dai-ichi Life Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành (nếu có).

THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
CỦA (CÁC) SẢN PHẨM BỔ SUNG/BỔ TRỢ

STBH: Số tiền bảo hiểm

NĐBH: Người được bảo hiểm

QLBH: Quyền lợi bảo hiểm

SẢN PHẨM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	
BẢO HIỂM TAI NẠN CAO CẤP	QLBH Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn do tai nạn	Nhận 100% STBH.
	QLBH Tử vong do tai nạn đặc biệt	Nhận 200% STBH.
	QLBH Thương tật do tai nạn	Nhận tỷ lệ % STBH theo bảng sự kiện và tỷ lệ thanh toán.
	QLBH Hỗ trợ viện phí do tai nạn	Nhận 200.000 đồng cho mỗi ngày nằm viện điều trị nội trú.
BẢO HIỂM HỖ TRỢ VIỆN PHÍ	QLBH Hỗ trợ viện phí	Nhận 100% STBH cho mỗi ngày nằm viện. Tối đa 20 ngày/đợt nằm viện, 100 ngày/năm hợp đồng không vượt quá 1.000 ngày trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Hỗ trợ điều trị tại khoa/phòng chăm sóc đặc biệt	Thêm 100% STBH cho mỗi ngày nằm viện điều trị tại khoa/phòng chăm sóc đặc biệt. Tối đa 10 ngày/đợt nằm viện và 50 ngày/năm hợp đồng và không vượt quá 500 ngày nằm viện trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Hỗ trợ chi phí phẫu thuật	Thêm 500% STBH cho mỗi lần nằm viện có phẫu thuật. Tối đa 1 lần phẫu thuật/đợt nằm viện, 5 lần phẫu thuật/năm hợp đồng và không vượt quá 20 lần trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Điều trị tại khoa/phòng cấp cứu do tai nạn	Thêm 100% STBH cho mỗi lần nằm viện có điều trị tại khoa/phòng cấp cứu do tai nạn. Tối đa 1 lần điều trị/đợt nằm viện, 5 lần điều trị/năm hợp đồng và không vượt quá 20 lần điều trị trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	Hỗ trợ điều trị ngoại trú	100% STBH cho mỗi lần lọc thận hoặc hóa trị/xạ trị ung thư. Tối đa 100 lần điều trị/năm hợp đồng và không vượt quá 1.000 lần điều trị trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
Lưu ý: Tổng các quyền lợi bảo hiểm được chi trả của sản phẩm này không vượt quá 1.000 lần Số tiền bảo hiểm.		

Ghi chú: Để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi của các sản phẩm bảo hiểm bổ sung/bổ trợ nêu trên, vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm được công khai tại địa chỉ website <https://dai-ichi-life.com.vn/> hoặc Quy tắc và điều khoản được Dai-ichi Life Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành (nếu có).

ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

Dai-ichi Life Việt Nam sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu sự kiện bảo hiểm thuộc một trong các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo Quy tắc và Điều khoản của các sản phẩm đã tham gia. Quý khách vui lòng tham khảo thông tin tóm tắt Điều khoản loại trừ bảo hiểm tại Tài liệu giới thiệu sản phẩm và tham khảo nội dung chi tiết tại Quy tắc và Điều khoản của từng sản phẩm:

SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG AN TÂM SONG HÀNH	
• Điều khoản loại trừ bảo hiểm	Tham khảo tại Khoản 3 Điều 2 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.
SẢN PHẨM BẢO HIỂM BỔ SUNG/BỔ TRỢ	
• Bảo hiểm Tai Nạn Cao Cấp	Tham khảo tại Điều 3 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.
• Bảo hiểm Hỗ Trợ Viện Phí	Tham khảo tại Điều 3 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.

Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm các Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm được công khai tại địa chỉ website <https://dai-ichi-life.com.vn/> hoặc Quy tắc và Điều khoản được Dai-ichi Life Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành (nếu có).

CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG

- **Phí bảo hiểm cơ bản**

Là số tiền mà Bên mua bảo hiểm phải đóng đủ cho mỗi Năm phí bảo hiểm và được quy định trong Chứng nhận bảo hiểm hoặc các thỏa thuận khác (nếu có). Phí bảo hiểm cơ bản bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính và Phí bảo hiểm cơ bản của (các) sản phẩm bổ sung/bổ trợ (nếu có).
- **Phí bảo hiểm đóng thêm**

Là khoản tiền được đóng thêm ngoài Phí bảo hiểm cơ bản tính đến hết Năm hợp đồng hiện hành.
- **Phí đem đi đầu tư**

Là số tiền còn lại của Phí bảo hiểm cơ bản và Phí đóng thêm sau khi trừ đi Phí ban đầu và được phân bổ vào Tài khoản hợp đồng. Số tiền này sẽ được đem đi đầu tư vào Quỹ Liên kết chung.
- **Phí ban đầu**
(Phí ban đầu của sản phẩm chính & Phí ban đầu/ phí khai thác của sản phẩm bổ sung/bổ trợ)

Là khoản phí được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản và Phí đóng thêm trước khi phân bổ vào Tài khoản hợp đồng. Với tỷ lệ sau:

Năm phí bảo hiểm	1	2	3	4	5	6+
% Phí bảo hiểm cơ bản (Sản phẩm chính & Sản phẩm bổ sung/bổ trợ)	75%	30%	25%	20%	10%	3%
% Phí bảo hiểm đóng thêm	2%					1%
- **Phí bảo hiểm rủi ro (Phí rủi ro)**

Là khoản phí khấu trừ hàng tháng để đảm bảo chi trả quyền lợi bảo hiểm rủi ro của Sản phẩm chính và Sản phẩm bổ sung/bổ trợ. Phí bảo hiểm rủi ro trong Bảng minh họa bên dưới chưa bao gồm phần phí tăng vì tình trạng sức khỏe của Người được bảo hiểm.
- **Phí quản lý hợp đồng**

Là khoản phí khấu trừ hàng tháng liên quan đến việc quản lý, duy trì Hợp đồng bảo hiểm. Phí quản lý hợp đồng hàng tháng được xác định theo năm dương lịch tại thời điểm khấu trừ theo bảng sau:

Năm dương lịch	2024	2025	2026	2027	2028+
Phí quản lý hợp đồng (đồng/tháng)	45.900	49.500	53.400	57.600	60.000
- **Phí quản lý quỹ**

Tối đa là 2% giá trị Tài khoản hợp đồng/năm để chi trả cho các hoạt động đầu tư và quản lý Quỹ Liên kết chung. Khoản phí này sẽ được khấu trừ trước khi công bố lãi suất đầu tư.

Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn = Tỷ lệ phí * Trung bình của Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của 12 tháng liền kề trước đó. Tỷ lệ phí như sau:

● Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn	Năm hợp đồng	1 - 3	4 - 6	7	8	9	Từ năm thứ 10 trở đi
	Tỷ lệ phí	90%	75%	60%	40%	20%	0%

● Phí rút một phần giá trị Tài khoản hợp đồng	Là khoản phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu rút tiền từ giá trị Tài khoản hợp đồng. Tỷ lệ phí rút một phần giá trị Tài khoản hợp đồng bằng với tỷ lệ của phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và được tính trên tỷ lệ giữa khoản tiền Bên mua bảo hiểm yêu cầu rút ra so với Giá trị hoàn lại tại thời điểm rút.
--	--

● Phí tạm ứng	Là số tiền phát sinh từ các khoản tạm ứng tích lũy, và được áp dụng theo mức lãi suất cập nhật trên trang thông tin điện tử của Dai-ichi Life Việt Nam.
----------------------	---

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

Quỹ Liên kết chung là quỹ được hình thành từ nguồn phí bảo hiểm và các khoản phí đóng thêm của tất cả các Hợp đồng bảo hiểm sản phẩm bảo hiểm liên kết chung.

Dai-ichi Life Việt Nam sử dụng Quỹ Liên kết chung để đầu tư với chính sách đầu tư thận trọng, tập trung chủ yếu vào các tài sản đầu tư có thu nhập ổn định như tiền gửi ngân hàng, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các kênh đầu tư an toàn khác. Thông tin về Quỹ Liên kết chung sẽ được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Dai-ichi Life Việt Nam tại địa chỉ website <https://dai-ichi-life.com.vn>.

Đơn vị nhận ủy thác: Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam - DFVN

Lãi suất công bố trong 5 năm gần nhất của Quỹ Liên kết chung:

Năm	2019	2020	2021	2022	2023
Lãi suất công bố	5,0% - 5,7%	4,5% - 5,3%	4,0% - 5,1%	3,5% - 5,0%	3,4% - 5,0%

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 1: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

I. MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng Tuổi NDBH chính	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại lãi suất đầu tư cam kết	Tại lãi suất đầu tư dự kiến 4,6%
1 30	19.175	10.825	30.000	14.381	217	14.598	4.794	10.609	15.402	576	2.424	2.424
2 31	19.175	10.825	30.000	5.753	217	5.969	13.423	10.609	24.031	621	2.473	2.473
3 32	19.175	10.825	30.000	4.794	217	5.010	14.381	10.609	24.990	670	2.524	2.524
4 33	19.175	10.825	30.000	3.835	217	4.052	15.340	10.609	25.949	708	2.593	2.593
5 34	19.175	10.825	30.000	1.918	217	2.134	17.258	10.609	27.866	720	2.664	2.664
6 35	19.175	10.825	30.000	575	108	684	18.600	10.717	29.317	720	2.754	2.754
7 36	19.175	10.825	30.000	575	108	684	18.600	10.717	29.317	720	2.874	2.874
8 37	19.175	10.825	30.000	575	108	684	18.600	10.717	29.317	720	3.013	3.013
9 38	19.175	10.825	30.000	575	108	684	18.600	10.717	29.317	720	3.184	3.184
10 39	19.175	10.825	30.000	575	108	684	18.600	10.717	29.317	720	3.373	3.373
11 40	19.175	10.825	30.000	575	108	684	18.600	10.717	29.317	720	3.583	3.583
12 41	19.240	10.760	30.000	577	108	685	18.663	10.652	29.315	720	3.858	3.858
13 42	19.240	10.760	30.000	577	108	685	18.663	10.652	29.315	720	4.087	4.087
14 43	19.240	10.760	30.000	577	108	685	18.663	10.652	29.315	720	4.308	4.308
15 44	19.240	10.760	30.000	577	108	685	18.663	10.652	29.315	720	4.548	4.548

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 1: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Năm hợp đồng Tuổi NDBH chính	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại lãi suất đầu tư cam kết	Tại lãi suất đầu tư dự kiến 4,6%
16 45	19.240	10.760	30.000	577	108	685	18.663	10.652	29.315	720	4.788	4.788
17 46	19.300	10.700	30.000	579	107	686	18.721	10.593	29.314	720	5.078	5.078
18 47	19.300	10.700	30.000	579	107	686	18.721	10.593	29.314	720	5.348	5.348
19 48	19.300	10.700	30.000	579	107	686	18.721	10.593	29.314	720	5.638	5.638
20 49	19.300	10.700	30.000	579	107	686	18.721	10.593	29.314	720	5.948	5.948
Theo quy định của Bộ Tài chính, minh họa Sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung phải dựa trên mức lãi suất cam kết từ năm HĐ thứ 21 trở đi (0,5%/năm cho năm HĐ 21-25 và 0,25%/năm sau đó). Lãi suất minh họa này chỉ mang tính tham khảo, khách hàng sẽ hưởng lãi từ kết quả đầu tư thực tế của Quỹ Liên kết chung.												
21 50	19.300	10.700	30.000	579	107	686	18.721	10.593	29.314	720	6.288	6.288
25 54	19.370	10.630	30.000	581	106	687	18.789	10.524	29.313	720	8.066	8.066
30 59	19.450	10.550	30.000	584	106	689	18.867	10.445	29.311	720	10.484	10.484
35 64	19.650	10.350	30.000	590	104	693	19.061	10.247	29.307	720	15.372	15.372
40 69	19.850	10.150	30.000	596	102	697	19.255	10.049	29.303	720	22.850	22.850
45 74										720	1.788	1.788
50 79										720		
55 84										720		
60 89										720		
65 94										720		

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 1: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Năm hợp đồng Tuổi NDBH chính	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại lãi suất đầu tư cam kết	Tại lãi suất đầu tư dự kiến 4,6%
70 99										720		
Tổng/ Cộng dồn	775.375	424.625	1.200.000	51.065	4.788	55.853	724.310	419.838	1.144.148	50.096	331.625	331.625

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 1: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

II. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết			Quyền lợi tại lãi suất đầu tư dự kiến			Khoản tiền rút ra dự kiến
						4,6%/năm cho 20 năm đầu và bằng lãi suất đầu tư cam kết cho năm thứ 21 trở về sau			
			Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	
1 30	30.000	15.402	1.012.816		12.816	1.013.037		13.037	
2 31	30.000	24.031	1.034.456		34.456	1.035.602		35.602	
3 32	30.000	24.990	1.057.407		57.407	1.060.107		60.107	
4 33	30.000	25.949	1.083.093	1.408	83.093	1.088.098	1.467	88.098	
5 34	30.000	27.866	1.109.758		109.758	1.117.831		117.831	
6 35	30.000	29.317	1.140.834	2.490	140.834	1.153.014	2.658	153.014	
7 36	30.000	29.317	1.169.921		169.921	1.187.035		187.035	
8 37	30.000	29.317	1.203.142	3.694	203.142	1.226.523	4.045	226.523	
9 38	30.000	29.317	1.233.163		233.163	1.263.608		263.608	
10 39	30.000	29.317	1.281.597	18.006	281.597	1.322.038	19.834	322.038	
11 40	30.000	29.317	1.309.696		309.696	1.363.107		363.107	
12 41	30.000	29.315	1.344.285	6.486	344.285	1.413.356	7.573	413.356	
13 42	30.000	29.315	1.372.503		372.503	1.458.108		458.108	
14 43	30.000	29.315	1.408.524	7.743	408.524	1.514.169	9.477	514.169	
15 44	30.000	29.315	1.436.921		436.921	1.563.086		563.086	
16 45	30.000	29.315	1.472.063	9.019	472.063	1.625.588	11.581	625.588	

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 1: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Năm hợp đồng Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết			Quyền lợi tại lãi suất đầu tư dự kiến			Khoản tiền rút ra dự kiến
						4,6%/năm cho 20 năm đầu và bằng lãi suất đầu tư cam kết cho năm thứ 21 trở về sau			
			Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	
17 46	30.000	29.314	1.498.070		498.070	1.679.085		679.085	
18 47	30.000	29.314	1.534.187	10.251	534.187	1.748.672	13.905	748.672	
19 48	30.000	29.314	1.559.944		559.944	1.807.258		807.258	
20 49	30.000	29.314	1.641.992	56.475	641.992	1.943.703	75.482	943.703	
Theo quy định của Bộ Tài chính, minh họa Sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung phải dựa trên mức lãi suất cam kết từ năm HĐ thứ 21 trở đi (0,5%/năm cho năm HĐ 21-25 và 0,25%/năm sau đó). Lãi suất minh họa này chỉ mang tính tham khảo, khách hàng sẽ hưởng lãi từ kết quả đầu tư thực tế của Quỹ Liên kết chung.									
21 50	30.000	29.314	1.667.635		667.635	1.970.855		970.855	
25 54	30.000	29.313	1.795.939		795.939	2.117.705		1.117.705	
30 59	30.000	29.311	1.954.489	18.593	954.489	2.300.187	25.355	1.300.187	
35 64	30.000	29.307	2.085.515		1.085.515	2.449.664		1.449.664	
40 69	30.000	29.303	2.212.847	23.874	1.212.847	2.604.084	31.527	1.604.084	
45 74			1.215.634		1.215.634	1.611.786		1.611.786	
50 79			1.227.282		1.227.282	1.628.411		1.628.411	
55 84			1.239.077		1.239.077	1.645.246		1.645.246	
60 89			1.251.021		1.251.021	1.662.291		1.662.291	
65 94			1.263.114		1.263.114	1.679.551		1.679.551	
70 99			1.275.359		1.275.359	1.697.028		1.697.028	

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 1: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Năm hợp đồng Tuổi NĐBH chính	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết			Quyền lợi tại lãi suất đầu tư dự kiến			Khoản tiền rút ra dự kiến
						4,6%/năm cho 20 năm đầu và bằng lãi suất đầu tư cam kết cho năm thứ 21 trở về sau			
			Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	
Tổng/ Cộng dồn	1.200.000	1.144.148		305.837	1.275.359		404.835	1.697.028	

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 2: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

I. MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng Tuổi NDBH chính	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại lãi suất đầu tư cam kết	Tại lãi suất đầu tư dự kiến 4,6%
1 30	19.175	10.825	30.000	14.381	217	14.598	4.794	10.609	15.402	576	2.424	2.424
2 31	19.175	10.825	30.000	5.753	217	5.969	13.423	10.609	24.031	621	2.473	2.473
3 32	19.175	10.825	30.000	4.794	217	5.010	14.381	10.609	24.990	670	2.524	2.524
4 33	19.175	10.825	30.000	3.835	217	4.052	15.340	10.609	25.949	708	2.593	2.593
5 34										720	2.664	2.664
6 35										720	2.754	2.754
7 36										720	2.874	2.874
8 37										720	3.013	3.013
9 38										720	3.184	3.184
10 39										720	3.373	3.373
11 40										720	3.583	3.583
12 41										720	3.858	3.858
13 42										720	4.087	4.087
14 43										720	4.308	4.308
15 44										720	4.548	4.548



MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 2: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

Năm hợp đồng Tuổi NDBH chính	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại lãi suất đầu tư cam kết	Tại lãi suất đầu tư dự kiến 4,6%
16 45										720	4.788	4.788
17 46										720	5.078	5.078
18 47										720	5.348	5.348
19 48										720	5.638	5.638
20 49										720	5.948	5.948
Theo quy định của Bộ Tài chính, minh họa Sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung phải dựa trên mức lãi suất cam kết từ năm HĐ thứ 21 trở đi (0,5%/năm cho năm HĐ 21-25 và 0,25%/năm sau đó). Lãi suất minh họa này chỉ mang tính tham khảo, khách hàng sẽ hưởng lãi từ kết quả đầu tư thực tế của Quỹ Liên kết chung.												
21 50										720	6.288	6.288
23 52										720	(*)	7.136
25 54										720		8.066
29 58												(*)
Tổng/ Cộng dồn	76.700	43.300	120.000	28.763	866	29.629	47.938	42.434	90.372	19.856	88.066	138.030

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ để khấu trừ các chi phí hàng tháng.

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 2: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

II. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết			Quyền lợi tại lãi suất đầu tư dự kiến			Khoản tiền rút ra dự kiến
						4,6%/năm cho 20 năm đầu và bằng lãi suất đầu tư cam kết cho năm thứ 21 trở về sau			
			Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	
1 30	30.000	15.402	1.012.816		12.816	1.013.037		13.037	
2 31	30.000	24.031	1.034.456		34.456	1.035.602		35.602	
3 32	30.000	24.990	1.057.407		57.407	1.060.107		60.107	
4 33	30.000	25.949	1.083.093	1.408	83.093	1.088.098	1.467	88.098	
5 34			1.081.335		81.335	1.088.683		88.683	
6 35			1.079.450		79.450	1.089.202		89.202	
7 36			1.077.406		77.406	1.089.623		89.623	
8 37			1.075.181		75.181	1.089.920		89.920	
9 38			1.072.738		72.738	1.090.056		90.056	
10 39			1.070.056		70.056	1.090.004		90.004	
11 40			1.066.430		66.430	1.089.734		89.734	
12 41			1.062.492		62.492	1.089.171		89.171	
13 42			1.058.283		58.283	1.088.347		88.347	
14 43			1.053.811		53.811	1.087.258		87.258	
15 44			1.049.053		49.053	1.085.874		85.874	
16 45			1.043.775		43.775	1.084.179		84.179	

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 2: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

Năm hợp đồng Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết			Quyền lợi tại lãi suất đầu tư dự kiến			Khoản tiền rút ra dự kiến
						4,6%/năm cho 20 năm đầu và bằng lãi suất đầu tư cam kết cho năm thứ 21 trở về sau			
			Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	
17 46			1.038.180		38.180	1.082.110		82.110	
18 47			1.032.286		32.286	1.079.668		79.668	
19 48			1.026.072		26.072	1.076.818		76.818	
20 49			1.019.516		19.516	1.073.519		73.519	
Theo quy định của Bộ Tài chính, minh họa Sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung phải dựa trên mức lãi suất cam kết từ năm HĐ thứ 21 trở đi (0,5%/năm cho năm HĐ 21-25 và 0,25%/năm sau đó). Lãi suất minh họa này chỉ mang tính tham khảo, khách hàng sẽ hưởng lãi từ kết quả đầu tư thực tế của Quỹ Liên kết chung.									
21 50			1.012.587		12.587	1.066.859		66.859	
23 52			(*)			1.052.158		52.158	
25 54						1.035.489		35.489	
29 58						(*)			
Tổng/ Cộng dồn	120.000	90.372		1.408			1.467		

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ để khấu trừ các chi phí hàng tháng.

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 3: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM CƠ BẢN CHO TỚI KHI NĐBH CHÍNH ĐẠT TUỔI 75

I. MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng Tuổi NĐBH chính	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại lãi suất đầu tư cam kết	Tại lãi suất đầu tư dự kiến 4,6%
1 30	19.175		19.175	14.381		14.381	4.794		4.794	576	2.424	2.424
2 31	19.175		19.175	5.753		5.753	13.423		13.423	621	2.473	2.473
3 32	19.175		19.175	4.794		4.794	14.381		14.381	670	2.524	2.524
4 33	19.175		19.175	3.835		3.835	15.340		15.340	708	2.593	2.593
5 34	19.175		19.175	1.918		1.918	17.258		17.258	720	2.664	2.664
6 35	19.175		19.175	575		575	18.600		18.600	720	2.754	2.754
7 36	19.175		19.175	575		575	18.600		18.600	720	2.874	2.874
8 37	19.175		19.175	575		575	18.600		18.600	720	3.013	3.013
9 38	19.175		19.175	575		575	18.600		18.600	720	3.184	3.184
10 39	19.175		19.175	575		575	18.600		18.600	720	3.373	3.373
11 40	19.175		19.175	575		575	18.600		18.600	720	3.583	3.583
12 41	19.240		19.240	577		577	18.663		18.663	720	3.858	3.858
13 42	19.240		19.240	577		577	18.663		18.663	720	4.087	4.087
14 43	19.240		19.240	577		577	18.663		18.663	720	4.308	4.308
15 44	19.240		19.240	577		577	18.663		18.663	720	4.548	4.548

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 3: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM CƠ BẢN CHO TỚI KHI NĐBH CHÍNH ĐẠT TUỔI 75

Năm hợp đồng Tuổi NĐBH chính	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại lãi suất đầu tư cam kết	Tại lãi suất đầu tư dự kiến 4,6%
16 45	19.240		19.240	577		577	18.663		18.663	720	4.788	4.788
17 46	19.300		19.300	579		579	18.721		18.721	720	5.078	5.078
18 47	19.300		19.300	579		579	18.721		18.721	720	5.348	5.348
19 48	19.300		19.300	579		579	18.721		18.721	720	5.638	5.638
20 49	19.300		19.300	579		579	18.721		18.721	720	5.948	5.948
Theo quy định của Bộ Tài chính, minh họa Sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung phải dựa trên mức lãi suất cam kết từ năm HĐ thứ 21 trở đi (0,5%/năm cho năm HĐ 21-25 và 0,25%/năm sau đó). Lãi suất minh họa này chỉ mang tính tham khảo, khách hàng sẽ hưởng lãi từ kết quả đầu tư thực tế của Quỹ Liên kết chung.												
21 50	19.300		19.300	579		579	18.721		18.721	720	6.288	6.288
25 54	19.370		19.370	581		581	18.789		18.789	720	8.066	8.066
30 59	19.450		19.450	584		584	18.867		18.867	720	10.484	10.484
35 64	19.650		19.650	590		590	19.061		19.061	720	15.372	15.372
40 69	19.850		19.850	596		596	19.255		19.255	720	22.850	22.850
45 74	20.050		20.050	602		602	19.449		19.449	720	13.794	4.833
50 79										720	23.883	3.462
55 84										720	62.965	8.071
59 88										720	(*)	19.535
60 89										720		25.176

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 3: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM CƠ BẢN CHO TỚI KHI NĐBH CHÍNH ĐẠT TUỔI 75

Năm hợp đồng Tuổi NĐBH chính	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại lãi suất đầu tư cam kết	Tại lãi suất đầu tư dự kiến 4,6%
65 94										720		124.936
67 96												(*)
Tổng/ Cộng dồn	893.415		893.415	54.606		54.606	838.809		838.809	47.216	996.035	1.020.275

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ để khấu trừ các chi phí hàng tháng.

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 3: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM CƠ BẢN CHO TỚI KHI NĐBH CHÍNH ĐẠT TUỔI 75

II. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng Tuổi NĐBH chính	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết			Quyền lợi tại lãi suất đầu tư dự kiến			Khoản tiền rút ra dự kiến
						4,6%/năm cho 20 năm đầu và bằng lãi suất đầu tư cam kết cho năm thứ 21 trở về sau			
			Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	
1 30	19.175	4.794	1.001.889		1.889	1.001.941		1.941	
2 31	19.175	13.423	1.012.490		12.490	1.012.899		12.899	
3 32	19.175	14.381	1.024.181		24.181	1.025.262		25.262	
4 33	19.175	15.340	1.037.610	636	37.610	1.039.747	660	39.747	
5 34	19.175	17.258	1.052.545		52.545	1.056.159		56.159	
6 35	19.175	18.600	1.070.292	1.236	70.292	1.075.950	1.312	75.950	
7 36	19.175	18.600	1.087.037		87.037	1.095.216		95.216	
8 37	19.175	18.600	1.105.902	1.926	105.902	1.117.321	2.095	117.321	
9 38	19.175	18.600	1.123.046		123.046	1.138.173		138.173	
10 39	19.175	18.600	1.149.603	9.262	149.603	1.169.940	10.151	169.940	
11 40	19.175	18.600	1.165.559		165.559	1.192.803		192.803	
12 41	19.240	18.663	1.184.956	3.495	184.956	1.220.552	4.050	220.552	
13 42	19.240	18.663	1.200.822		200.822	1.245.293		245.293	
14 43	19.240	18.663	1.220.824	4.200	220.824	1.276.047	5.102	276.047	
15 44	19.240	18.663	1.236.585		236.585	1.302.868		302.868	
16 45	19.240	18.663	1.255.910	4.909	255.910	1.336.933	6.256	336.933	

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 3: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM CƠ BẢN CHO TỚI KHI NĐBH CHÍNH ĐẠT TUỔI 75

Năm hợp đồng Tuổi NĐBH chính	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết			Quyền lợi tại lãi suất đầu tư dự kiến			Khoản tiền rút ra dự kiến
						4,6%/năm cho 20 năm đầu và bằng lãi suất đầu tư cam kết cho năm thứ 21 trở về sau			
			Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	
17 46	19.300	18.721	1.270.190		270.190	1.366.072		366.072	
18 47	19.300	18.721	1.289.857	5.586	289.857	1.403.797	7.522	403.797	
19 48	19.300	18.721	1.303.746		303.746	1.435.439		435.439	
20 49	19.300	18.721	1.348.097	30.704	348.097	1.508.971	40.754	508.971	
Theo quy định của Bộ Tài chính, minh họa Sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung phải dựa trên mức lãi suất cam kết từ năm HĐ thứ 21 trở đi (0,5%/năm cho năm HĐ 21-25 và 0,25%/năm sau đó). Lãi suất minh họa này chỉ mang tính tham khảo, khách hàng sẽ hưởng lãi từ kết quả đầu tư thực tế của Quỹ Liên kết chung.									
21 50	19.300	18.721	1.361.625		361.625	1.523.304		523.304	
25 54	19.370	18.789	1.427.946		427.946	1.599.514		599.514	
30 59	19.450	18.867	1.504.834	9.899	504.834	1.689.163	13.505	689.163	
35 64	19.650	19.061	1.558.996		558.996	1.753.163		753.163	
40 69	19.850	19.255	1.594.797	11.882	594.797	1.803.408	15.963	803.408	
45 74	20.050	19.449	1.000.000		660.176	1.000.000		913.952	
50 79			1.000.000		605.747	1.000.000		943.730	
55 84			1.000.000		391.161	1.000.000		922.866	
59 88			(*)			1.000.000		871.907	
60 89						1.000.000		848.156	
65 94						1.000.000		506.562	
67 96						(*)			

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP 3: ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM CƠ BẢN CHO TỚI KHI NĐBH CHÍNH ĐẠT TUỔI 75

Năm hợp đồng Tuổi NĐBH chính	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết			Quyền lợi tại lãi suất đầu tư dự kiến			Khoản tiền rút ra dự kiến
			Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	
Tổng/ Cộng dồn	893.415	838.809		200.181			266.697		

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ để khấu trừ các chi phí hàng tháng.

MINH HỌA GIÁ TRỊ HOÀN LẠI VÀ TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN

Đơn vị tính: đồng

MINH HỌA GIÁ TRỊ HOÀN LẠI (*)	Năm hợp đồng	Trường hợp 1: Đóng Phí bảo hiểm trong thời hạn đóng phí dự kiến		Trường hợp 2: Đóng Phí bảo hiểm trong thời gian đóng phí bắt buộc		Trường hợp 3: Đóng Phí bảo hiểm cơ bản cho tới khi NDBH chính đạt tuổi 75	
		Giá trị minh họa đảm bảo tại lãi suất đầu tư cam kết	Giá trị minh họa không đảm bảo tại lãi suất đầu tư dự kiến	Giá trị minh họa đảm bảo tại lãi suất đầu tư cam kết	Giá trị minh họa không đảm bảo tại lãi suất đầu tư dự kiến	Giá trị minh họa đảm bảo tại lãi suất đầu tư cam kết	Giá trị minh họa không đảm bảo tại lãi suất đầu tư dự kiến
	1	-	-	-	-	-	-
	2	17.198.500	18.344.600	17.198.500	18.344.600	-	-
	3	40.149.000	42.849.000	40.149.000	42.849.000	6.923.400	8.004.800
	4	68.712.100	73.716.700	68.712.100	73.716.700	23.228.900	25.365.800
	5	95.376.700	103.449.300	66.953.400	74.301.500	38.163.200	41.777.700
	6	126.452.900	138.633.000	65.068.600	74.821.000	55.910.700	61.568.800
	7	158.415.900	175.530.200	65.901.000	78.117.700	75.531.800	83.711.200
	8	195.472.400	218.853.400	67.510.600	82.249.700	98.232.100	109.650.700
	9	229.327.700	259.773.400	68.903.400	86.220.800	119.211.300	134.337.500
Từ Năm hợp đồng thứ 10 trở đi Giá trị hoàn lại bằng với giá trị Tài khoản hợp đồng.							
TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN	Tổng số phí đóng dự kiến	1.200.000.000		120.000.000		893.415.000	
	Tổng số tiền rút dự kiến	0		0		0	
	Số tiền nhận khi đáo hạn	Giá trị minh họa đảm bảo tại lãi suất đầu tư cam kết	Giá trị minh họa không đảm bảo tại lãi suất đầu tư dự kiến	Giá trị minh họa đảm bảo tại lãi suất đầu tư cam kết	Giá trị minh họa không đảm bảo tại lãi suất đầu tư dự kiến	Giá trị minh họa đảm bảo tại lãi suất đầu tư cam kết	Giá trị minh họa không đảm bảo tại lãi suất đầu tư dự kiến
		1.275.359.000	1.697.028.100	0 HĐ mất hiệu lực năm 23	0 HĐ mất hiệu lực năm 29	0 HĐ mất hiệu lực năm 59	0 HĐ mất hiệu lực năm 67

(*) Giá trị hoàn lại là số tiền Khách hàng sẽ nhận được nếu có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trong thời gian hợp đồng có hiệu lực. Khách hàng chỉ nhận Giá trị hoàn lại khi Hợp đồng bảo hiểm có Giá trị hoàn lại.

Ghi chú:

- Số tiền thể hiện ở cột “Tổng Phí bảo hiểm” đã bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản sản phẩm chính, Phí bảo hiểm đóng thêm và Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung/bổ trợ.
- Số tiền thể hiện ở cột “Khoản tiền rút ra dự kiến” là số tiền được giả định là Khách hàng rút ra từ giá trị Tài khoản hợp đồng và Phí rút một phần giá trị Tài khoản hợp đồng sẽ được khấu trừ vào giá trị Tài khoản hợp đồng.
- Phí bảo hiểm rủi ro trong minh họa này không bao gồm phần phí tăng vì lý do sức khỏe.
- Khoản khấu trừ chi phí hàng tháng bao gồm Phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm chính và của (các) sản phẩm bổ sung/bổ trợ và Phí quản lý hợp đồng.
- Bên mua bảo hiểm phải đóng phí để đảm bảo giá trị Tài khoản hợp đồng luôn lớn hơn Khoản khấu trừ hàng tháng.
- Các giá trị nêu trong các bảng minh họa bên trên được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào Năm hợp đồng. Các giá trị này có thể thay đổi phụ thuộc vào phí bảo hiểm thực đóng của Khách hàng, định kỳ đóng phí, thời điểm đóng phí và tùy thuộc kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Để biết thông tin chính xác giá trị Tài khoản và tình trạng của Hợp đồng bảo hiểm, Khách hàng nên thường xuyên theo dõi Hợp đồng bảo hiểm của mình tại địa chỉ website <https://kh.dai-ichi-life.com.vn/> hoặc ứng dụng Dai-ichi Connect.
- Giá trị hoàn lại được xác định dựa trên giá trị Tài khoản hợp đồng ngay ngày chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Nếu Hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt sớm, Khách hàng có thể nhận được số tiền ít hơn số phí đã đóng.
- Lãi suất đầu tư dự kiến được tính tại Tài liệu minh họa bán hàng là lãi suất công bố dự kiến trên cơ sở hàng năm và được đánh giá trên cơ sở lãi suất đầu tư thực tế hàng năm sau khi trừ đi phí quản lý quỹ tương ứng. Lãi suất này chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ Liên kết chung và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo cho Khách hàng trong tương lai, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.

MỘT SỐ LƯU Ý QUAN TRỌNG

- Hợp đồng sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung An Tâm Song Hành là một cam kết dài hạn, do vậy, quyền lợi sản phẩm chỉ được hiện thực hóa khi Bên mua bảo hiểm đóng phí đầy đủ và liên tục trong dài hạn. Bên mua bảo hiểm cần cân nhắc khi hủy Hợp đồng bảo hiểm trước hạn vì các khoản chi phí ban đầu rất cao. Việc Bên mua bảo hiểm hủy bỏ/chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí bảo hiểm đã đóng.
- Bên mua bảo hiểm cần phải đóng phí đầy đủ và đúng thời hạn. Nếu đóng phí không đầy đủ, không đúng hạn sẽ dẫn đến Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực. Khi Bên mua bảo hiểm khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm, Dai-ichi Life Việt Nam có quyền chấp nhận hoặc từ chối khôi phục nếu Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm không thỏa điều kiện tham gia bảo hiểm.
- Bên mua bảo hiểm cần tự đánh giá tất cả các quyền lợi theo hợp đồng của mình, hiểu rõ cách phân bổ phí bảo hiểm, các khoản chi phí khấu trừ hàng tháng và ảnh hưởng của khoản chi phí này đối với quyền lợi của mình.
- Bên mua bảo hiểm cần chắc chắn rằng Hợp đồng bảo hiểm này đáp ứng được các nhu cầu và khả năng tài chính của mình. Nếu Bên mua bảo hiểm muốn được cung cấp thêm thông tin hoặc làm rõ thêm về sản phẩm, vui lòng liên hệ với Dai-ichi Life Việt Nam hoặc đại lý bảo hiểm của Dai-ichi Life Việt Nam.
- Các loại Phí trong Hợp đồng bảo hiểm này có thể thay đổi nhưng không vượt quá mức quy định tối đa. Nếu vượt quá mức tối đa, các loại Phí này phải được sự chấp thuận của Bộ Tài chính.
- Việc tham gia các sản phẩm bảo hiểm bổ sung/bổ trợ không phải là điều kiện bắt buộc để duy trì hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm chính và việc tham gia này có thể sẽ ảnh hưởng đến Giá trị tài khoản hợp đồng.
- Việc Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm kê khai thông tin không đầy đủ và không trung thực khi tham gia bảo hiểm/khôi phục hiệu lực/điều chỉnh hợp đồng, Dai-ichi Life Việt Nam có quyền hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm và không chi trả bất kỳ quyền lợi bảo hiểm nào.

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

Tôi ký tên dưới đây xác nhận:

- 1- Tôi đã được thông tin về công cụ tính phí – xây dựng kế hoạch bảo hiểm trên Trang thông tin điện tử của Dai-ichi Life Việt Nam tại địa chỉ website <https://dai-ichi-life.com.vn>.
- 2- Tôi đã được tư vấn, giải thích chi tiết, đã đọc và hiểu rõ Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm, điều khoản loại trừ, quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, cũng như các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Tài liệu minh họa bán hàng này và tôi xác nhận không có bất kỳ thắc mắc, đề nghị làm rõ nào đối với nội dung tại Tài liệu minh họa bán hàng đã nêu trên.
- 3- Tôi đã hiểu rõ rằng:
 - Tài liệu minh họa bán hàng này được tính toán dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm được thẩm định ở mức rủi ro chuẩn. Phí bảo hiểm và Phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định của Dai-ichi Life Việt Nam và do đó có thể làm thay đổi các giá trị Tài khoản hợp đồng và Giá trị hoàn lại của hợp đồng.
 - Giá trị Tài khoản hợp đồng tùy thuộc vào mức lãi suất đầu tư thực tế, Phí bảo hiểm thực đóng, số tiền rút ra thực tế, và vì vậy giá trị này có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị ghi ở Tài liệu minh họa bán hàng này.
 - Hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực khi phí bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 4 Năm hợp đồng đầu tiên hoặc khi giá trị Tài khoản hợp đồng nhỏ hơn Khoản khấu trừ hàng tháng và Khoản nợ (nếu có) kể từ Năm hợp đồng thứ 5 trở đi.
- 4- Tôi đã hiểu rõ đặc điểm của sản phẩm bảo hiểm trong Tài liệu minh họa bán hàng này.
- 5- Tôi tự nguyện và đồng ý tham gia sản phẩm này.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

Tôi ký tên dưới đây xác nhận và cam kết đã giải thích trung thực, đầy đủ và đã tư vấn cho Bên mua bảo hiểm có tên nêu bên về chi tiết của Tài liệu minh họa bán hàng này cũng như các nội dung của Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

Lưu ý: Trường hợp Yêu cầu bảo hiểm nhân thọ được nộp bằng hệ thống nộp Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm trực tuyến, Bên mua bảo hiểm và đại lý bảo hiểm/nhân viên của đại lý bảo hiểm tổ chức sẽ thực hiện xác nhận Tài liệu minh họa bán hàng này bằng việc ký tại Phiếu Xác nhận Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm dữ liệu điện tử, thay vì ký tại Tài liệu này.

Ngày ký: ____/____/____

Chữ ký: _____

Bên mua bảo hiểm: Nguyễn Văn A

Ngày ký: ____/____/____

Chữ ký: _____

Đại lý bảo hiểm: Product Dummy Agent

Mã số đại lý: 158424